

PHỤ LỤC 4

DANH MỤC VẬT TƯ THAY THẾ PHỤC VỤ PHẪU THUẬT

Đính kèm Thông báo mời chào giá số 003/TB-BVCHPHCNTPHCM

STT	DANH MỤC HÀNG HÓA (hoặc tương đương)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
1	Khớp háng toàn phần không xi măng COC	* Cuồng xương đùi: Hợp kim Titanium phủ Ti-Plasma rỗng tổ ong, chuỗi tiết diện hình chữ nhật, có rãnh dọc chống xoay, được vát thuôn dần hai bên 5°; hai mặt trước-sau 2° làm tăng độ chịu nén, chống lún. Góc cổ chuỗi 132°. Neck Taper 12/14 mm, có 11 kích cỡ, dài 137 - 177mm * Ổ cối: Bencox hybrid cup vật liệu Titanium, phủ Titanium – Plasma dạng rỗng tổ ong với hơn 30% độ xốp, hình bán cầu, có 3 lỗ bắt vít, có 10 kích cỡ 44 – 74mm. * Lớp đệm: Ceramic (Sứ) thể hệ 4 (Màu hồng), đường kính trong Ø32-36mm, đường kính ngoài phù hợp ổ cối. Đặc tính cơ học cao, chống mài mòn tốt * Đầu xương đùi: Ceramic (Sứ) thể hệ 4 (Màu hồng) được đánh bóng chính xác chống sự mài mòn, size Ø32-36mm (S, M, L). * Vít: Titanium đường kính Ø6,4mm, chiều dài 15 - 60mm.	Bộ	5
2	Khớp háng toàn phần không xi măng COP	* Cuồng xương đùi: Hợp kim Titanium phủ Ti-Plasma rỗng tổ ong, chuỗi tiết diện hình chữ nhật, có rãnh dọc chống xoay, được vát thuôn dần hai bên 5°; hai mặt trước-sau 2° làm tăng độ chịu nén, chống lún. Góc cổ chuỗi 132°. Neck Taper 12/14 mm, có 11 kích cỡ, dài 137 - 177mm * Ổ cối: Bencox hybrid cup vật liệu Titanium, phủ Titanium – Plasma dạng rỗng tổ ong với hơn 30% độ xốp, hình bán cầu, có 3 lỗ bắt vít, có 10 kích cỡ 44 – 74mm. * Lớp đệm: Polyethylene cao phân tử, có bờ chống trật, size Ø28-32mm, đường kính ngoài phù hợp ổ cối. Cơ chế khóa giữa ổ cối và lớp đệm PE giúp cố định an toàn, chống xoay, chống lún * Đầu xương đùi: Ceramic (Sứ) thể hệ 4 (Màu hồng) được đánh bóng chính xác chống sự mài mòn, size Ø32-36mm (S, M, L). * Vít: Titanium đường kính Ø6,4mm, chiều dài 15 - 60mm.	Bộ	5
3	Chi siêu bền	* Chi siêu bền #2, chất liệu UHMWPE, màu trắng/xanh để dễ dàng quan sát, chiều dài 39 inch (99cm). Đầu kim dạng bán nguyệt loại MO-6, dài 26mm. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Cái	270

4	Vít dây chằng chéo tự tiêu ST	Loại tự tiêu chất liệu PLA 100%, đường kính 6, 7, 8, 9, 10, 11 mm và chiều dài 20, 24, 30, 35mm. Đầu Flat-head. Lõi vít thiết kế hình tam giác sử dụng với tournevis 3 cạnh. Tiết trùng. * Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	Cái	50
5	Cây đẩy chỉ	- Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp. - Đường kính ống thông dò ≥ 5.75 mm & chiều dài ghim kẹp ≥ 16mm. Được thiết kế tiện dụng để sử dụng bằng một tay, Scorpion đa chức năng nắm lấy mô quăn, sau đó trực tiếp đưa qua và lấy ra một sợi dây. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Cái	2
6	Cây móc chỉ	Cây móc chỉ cong - Cây móc chỉ cong 45, 90 độ dùng trong phẫu thuật nội soi khớp vai - 45, 90 độ, ít đòi hỏi kỹ thuật, thuận tiện trong việc khâu mô mềm, vòng khâu Nitinol. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Cái	4
7	Vít chỉ khâu sụn viền	Vít chỉ neo khâu bằng ca thể hệ mới dùng cho phẫu thuật nội soi khớp. - Vật liệu: Chi Fiber Wire, β-TCP, BioComposite & PLLA/PEEK - Kích cỡ: 3.0mm x 14.5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Cái	15
8	Vít chỉ neo chóp xoay và sụn viền tự tiêu	- Vít neo pushlock vật liệu sinh học tổng hợp tự tiêu dùng trong phẫu thuật nội soi khớp vai - Vật liệu: β-TCP, BioComposite & PLLA/PEEK - Kích cỡ: 2.9mm x 12.5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Cái	65
9	Vít chỉ neo đôi tự tiêu	Vít chỉ neo khâu chóp xoay: - Vít chỉ neo khâu chóp xoay dùng cho phẫu thuật nội soi khớp. - Vật liệu: Chi Fiber Wire, làm bằng β-TCP, BioComposite & PLLA/PEEK - Kích cỡ: 5.5mm x 14.7mm; - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Cái	15
10	Vít chỉ neo khâu chóp xoay	* Dùng để khâu tổn thương trong nội soi khớp. * Vật liệu: Chi Fiber Wire, neo ren hoàn toàn không thắt nút làm bằng β-TCP/PEEK, BioComposite. * Kích cỡ: 4.75mm x 19.1mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Cái	5
11	Vít chỉ neo khâu chóp xoay khớp vai	- Dùng cho phẫu thuật nội soi khớp. - Dùng để khâu tổn thương trong nội soi khớp. - Vật liệu: Chi Fiber Wire, Neo ren hoàn toàn PLLA/PEEK, BioComposite - Kích cỡ: 4.75mm x 19.1mm; - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Cái	5

12	Vít chỉ neo khâu chóp xoay tự đui lỗ	Vít chỉ neo khâu chóp xoay tự đui lỗ: - Dùng cho phẫu thuật nội soi khớp. - Dùng để khâu tổn thương trong nội soi khớp. - Vật liệu: đầu neo bằng Titan , thân neo làm bằng PLLA/Titanium - Kích cỡ: 4.75mm x 24.5mm; - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Cái	5
13	Khớp gối toàn phần di động, bảo tồn xương tối đa	1. Lõi cầu: Chất liệu Cobalt Chrome, thiết kế kiểu chữ J, bề mặt trong nhám, phù dạng sợi để tăng độ kết dính của xi măng và xương, Bán kính góc ổn định 0 - 90 độ, có 6 size từ 1 đến 6. 2. Lớp lót: Chất liệu Polyethylene cao phân tử (DURAMER), Thiết kế Ball in Socket đảm bảo chuyển động xoay sâu 1 góc 15 độ, Môi trước được nâng lên, môi sau hạ thấp nhằm hỗ trợ tốt cho đường gấp duỗi của PCL (Posterior Cruciate Ligament: dây chằng chéo sau) và tạo độ ổn định phía trước, có 6 size với độ dày khác nhau. 3. Mâm chày: Chất liệu Cobalt Chrome/Titanium Alloy, bề mặt nhám tạo độ kết dính với xi măng và xương, có 6 size chuẩn và 5 size cộng, có khóa trong khớp cố định. 4. Bánh chè: chất liệu Polyethylene cao phân tử, thiết kế kiểu mái vòm, dày 8-10mm, trượt trên lõi cầu theo đường có góc nghiêng 3,6o. 5. Xi măng: đóng gói tiệt trùng, kèm dung dịch pha. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Bộ	5
14	Khớp gối toàn phần cố định	Khớp gối toàn phần bảo tồn xương, độ gấp duỗi 150 độ Vitamin E : Thiết kế BALAN SEE bán kính đơn (0-95°) hạn chế cắt bỏ xương đùi xa và sau bằng nhau định hình và tái tạo cân bằng dây chằng, độ gấp duỗi tối đa 150° - Thiết kế kiểu patellofemoral bảo tồn xương, cơ chế khóa chèn xương chày đa hướng mạnh mẽ. 1. Lõi cầu đùi (Femoral Component): - Chất liệu hợp kim CoCr, loại lõi cầu đùi trái/ phải với 15 size, 10 kiểu chuẩn (PS) và 5 kiểu mở rộng (PS+) đối với size 3N, 4N, 5N, 6N, 7N. 2. Mâm chày (Tibial Plate): - Chất liệu Ti-6Al-4V với 9 kích cỡ sử dụng. Chiều ngang: 58, 61, 64, 67, 70, 74, 77, 80 và 85mm. Chiều sâu (trước sau): 38, 40, 42, 44, 46, 49, 52, 55 và 59mm 3. Lớp đệm mâm chày (Tibial Bearing): - Thiết kế kiểu PS và PS +; chất liệu Vitamin E highly crosslinked, kích thước từ 9 -25mm với 8 độ dày khác nhau 4. Bánh chè (Patellar Component): - Chất liệu polyethylene gồm 6 kích cỡ 27; 29; 32; 35; 38; 41mm, độ dày 7.5; 8.5; 9; 9.5; 10mm 5. Xi măng: - Đóng gói tiệt trùng, kèm dung dịch pha.	Bộ	20

15	Khớp háng toàn phần không xi măng	Khớp háng toàn phần không xi măng cạnh vuông Ceramic On Ceramic gồm: 1. Chuôi khớp háng: hợp kim Titanium-Niobium , toàn bộ bề mặt được phun nhám và phủ 1 lớp Hydroxyapatite (HA) có độ dày 80µm; dạng thẳng, có cấu trúc thân rãnh dọc, rãnh ngang; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; dạng chêm 3 chiều (Triple Taper), cổ chuôi đầu gắn chỏm đường kính Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") và dài 12mm; có các răng nhỏ, góc cổ thân 127° hoặc 135°; dài 123.5, 127.5, 131.5, 135.5, 139.5, 143.5, 147.5, 151.5, 155.5, 159.5, 163.5, 167.5mm, cổ ngắn, offset 35.4mm-55.5mm; kích cỡ: 11 cỡ standard, 12 cỡ cổ ngắn và 10 cỡ lateralised. 2. Chỏm xương đùi: vật liệu Biolox Delta , đường kính 28, 32, 36mm; gồm các cỡ S(-3.5), M(+0), L(+3.5), XL(+7), XXL(+10.5). 3. Ổ cối nhân tạo: có kích thước từ 42mm-64mm, thiết kế hình dạng Ellip có đáy bằng ngang, cấu trúc rãnh tròn đường kính 0.7mm tăng diện tích tiếp xúc với xương lên 30-40%, phù hợp cho lớp đệm hệ thống khớp đôi; 2 lỗ vít ở vị trí 11h và 13h. Bờ sau ổ cối được thiết kế cao lên 5°, bờ chống trật trên ổ cối. Head 32 bắt đầu từ ổ cối 46mm; Head 36 bắt đầu từ ổ cối 50mm; Head 40 bắt đầu từ ổ cối 56mm. Vật liệu hợp kim Titanium-Vanadium, bao phủ bên ngoài bằng 2 lớp: Titan có độ dày 100µm và lớp Hydroxyapatite (HA) có độ dày 90µm, khóa kẹp vòng đa răng. 4. Lớp đệm ổ cối: vật liệu Biolox Delta đường kính trong 28,	Bộ	10
16	Khớp gối toàn phần cố định	Khớp gối toàn phần cố định bảo tồn xương, cơ chế khóa, kiểu hy sinh dây chằng chéo sau; lõi cầu đùi CoCr nghiêng trước 4° để giảm notching. Rãnh bánh chè 6 độ; bề mặt mâm chày CoCr bóng như gương đoạn cuối có nút mâm chày (Tibial Plug), tương thích với tất cả các lớp đệm: hy sinh dây chằng chéo; giữ lại dây chằng chéo hoặc kiểu Dynamic. Mâm chày tương thích với 21 cỡ cuống xương chày (Tibial stem). Lớp đệm Polyethylene cao phân tử, kiểu UC/CR/Dynamic mặt trong lớp đệm hình cầu cho phép lõi cầu đùi xoay quanh trục trong lúc gập gối. Dạng hy sinh dây chằng chéo sau, mặt trước nhô cao nhằm tránh khớp gối trượt ra phía trước, khóa vào mâm chày bằng cơ chế Biolock độc nhất và vít tăng cường. Vít được thiết kế đặc biệt nhằm ngăn chặn vít bung ra khỏi lớp đệm. Lực xoắn tháo vít tương đương 3.4Nm, mỗi lớp đệm đều phù hợp với tất cả các cỡ của mâm chày, Lõi cầu đùi và lớp đệm luôn cùng kích thước. Tương thích với bộ trợ cụ của GB với các tính năng chính như sau: Vi chỉnh góc vẹo ngoài từ 0-9 độ; vi chỉnh lõi cầu đùi xoay thêm từ 0-9 độ; kiểm tra chéo độ xoay ngoài lõi cầu đùi và cỡ lõi cầu đùi AP; di chuyển AP từng milimet; kiểm tra khoản gập và độ xoay ngoài lõi cầu đùi trực tiếp trên 4in1 Block trước khi cắt. Và đặc biệt phải phù hợp với hệ thống định vị cắt thông minh kết nối bằng Bluetooth và cảm biến PERSEUS (Perseus Intelligent Guiding System and Sensor).	Bộ	5

17	Dây nước dùng trong nội soi khớp	- Dùng cho phẫu thuật nội soi khớp, chất liệu nhựa PVC, không có DEHP - Dây dẫn nước áp lực trong nội soi khớp, có 2 đầu nước vào và 1 đầu nước ra được điều chỉnh khóa an toàn. - Để kiểm soát áp xuất, ống đo áp xuất sẽ được kết nối với máy bơm. - Được khử trùng bằng khí VH₂O₂-Gas - Plasma * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/CFS	Cái	280
18	Khớp háng bán phần không xi măng	1. Chuôi khớp háng: hợp kim Titanium-Niobium (Ti6Al7Nb), toàn bộ bề mặt được phun nhám và phủ 1 lớp Hydroxyapatite (HA) có độ dày 80µm; dạng thẳng, có cấu trúc thân rãnh dọc, rãnh ngang; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; dạng chêm 3 chiều (Triple Taper), cổ chuôi đầu gắn chòm đường kính Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") và dài 12mm; có các răng nhỏ, góc cổ thân 127° hoặc 135°; dài 123.5, 127.5, 131.5, 135.5, 139.5, 143.5, 147.5, 151.5, 155.5, 159.5, 163.5, 167.5mm, cổ ngắn, offset 35.4mm-55.5mm; kích cỡ: 11 cỡ standard, 12 cỡ cổ ngắn và 10 cỡ lateralised. 2. Chòm xương đùi: vật liệu Cobalt Chrome/stainless steel, đường kính 22mm, 28mm gồm các cỡ S(-3.5), M(+0), XL(+3.5), XL(+7), XXL(+10.5). 3. Đầu khớp háng lưỡng cực (Bipolar head): gồm vỏ kim loại bên ngoài làm bằng Stainless Steel và lớp đệm bên trong bằng Polyethylene cao phân tử (UHMWPE), có vòng khóa đàn hồi; kích cỡ từ 39mm-60mm. kỹ thuật mổ lồi trước ít xâm lấn	Hộp/bộ	5

19	Khớp háng toàn phần không xi măng	Khớp háng toàn phần không xi măng loại thay tại cạnh vuông gồm: 1. Chuôi khớp háng: làm bằng hợp kim Titanium-Niobium (Ti6Al7Nb), toàn bộ bề mặt được phun nhám và phủ 1 lớp Hydroxyapatite (HA) có độ dày 80µm; dạng thẳng, có cấu trúc thân rãnh dọc, rãnh ngang; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; dạng chêm 3 chiều (Triple Taper), cổ chuôi đầu gắn chòm đường kính Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30"); có các răng nhỏ, góc cổ thân 127° hoặc 135°; kích cỡ: 10 cỡ, từ 0-9, chiều dài từ 170,175,180,185,190,195,200,205,210,215mm, cổ ngắn, offset 43.8mm-56mm. 2. Chòm xương đùi: vật liệu bằng Cobalt Chrome, có đường kính 28mm, 32mm, 36mm. Gồm các cỡ S(-3.5), M(+0), L(+3.5), XL(+7), XXL(+10.5). 3. Ổ cối nhân tạo: có kích thước từ 42mm-64mm, thiết kế hình dạng Ellip có đáy bằng ngang, cấu trúc rãnh tròn đường kính 0.7mm, phù hợp cho lớp đệm hệ thống khớp đôi; 2 lỗ vít ở vị trí 11h và 13h. Bờ sau ổ cối được thiết kế cao lên 5°; vật liệu hợp kim Titanium-Vanadium, bao phủ bên ngoài bằng 2 lớp: Titan có độ dày 100µm và lớp Hydroxyapatite (HA) có độ dày 90µm, khóa kẹp vòng đa răng. 4. Lớp đệm ổ cối: bằng Polyethylene HighCross-linked, có 2 dạng chính: trung tính và có bờ chống trật; đường kính trong 28; 32; 36mm. 5. Vít cố định ổ cối khớp háng: làm bằng Titanium; có đường kính 6.5mm	Bộ	5
20	Khớp háng toàn phần không xi măng cổ rời	1. Ổ cối: hình cầu bán kính đơn 152° với mái vòm phẳng 14°, chất liệu Titanium phủ lớp hạt titan HA độ xốp 30% độ dày 114µm, có lỗ bắt 3 vít, 7 vít, 8 vít, 10 vít tùy thuộc vào kích thước ổ cối, có vòng nhả khóa lớp lót, gồm đường kính các cỡ từ 46mm - 68mm và 46-76mm, bước tăng 2mm 2. Lớp lót bằng X-Linked Poly (liên kết chéo) siêu bền có bổ sung vitamin E giúp tăng khả năng chịu mài mòn, có bờ chống trật 0 độ; 15 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định Rim-Lock. 3. Đầu xương đùi làm bằng Cobalt Chrome đường kính 28, 32, 36mm. Lỗ tăng giảm (+0mm, ±3.5mm, +7mm, +10.5mm) 4. Thiết kế cổ rời: góc cổ chuôi động có thể điều chỉnh độ dài ngắn và góc động từ 127 độ, 135 độ, 143 độ, chiều dài cổ chuôi: 27mm-38.5mm. 5. Cuống xương đùi chất liệu Titanium. Góc cổ Varus cổ điển 8 ° là 127 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (34- 43mm), cổ dài (43 - 51mm). Góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (31- 40mm), cổ dài (34 - 43mm). Chiều dài: 176mm, 181mm, 186mm, 191mm, 196mm, 201mm, 206mm, 211mm, 216mm 6. Vít bắt ổ cối Titanium có chiều dài từ 15-50mm. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Bộ	60

21	Khớp háng toàn phần không xi măng	1. Ổ cối: hình cầu bán kính đơn 152° với mái vòm phẳng 14°, chất liệu Titanium phủ lớp hạt titan HA độ xốp 30% độ dày $114\mu\text{m}$, có lỗ bắt 3 vít, 7 vít, 8 vít, 10 vít tùy thuộc vào kích thước ổ cối, có vòng nhả khóa lớp lót, gồm đường kính các cỡ từ 46mm - 68mm và 46-76mm, bước tăng 2mm 2. Lớp lót bằng X-Linked Poly (liên kết chéo) siêu bền có bổ sung vitamin E giúp tăng khả năng chịu mài mòn, có bờ chống trật 0 độ; 15 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định Rim-Lock. 3. Đầu xương đùi làm bằng Cobalt Chrome đường kính 28, 32, 36mm. Lõi tăng giảm (+0mm, ±3,5mm, +7mm, +10.5mm) với taper 12/14. 4. Cổ rời - Có 10 cỡ cổ modular điều chỉnh 8 hoặc 15 độ góc vẹo trong/vẹo ngoài; 8 hoặc 14 độ nghiêng trước/sau, cổ chuỗi đầu gắn chỏm đường kính Taper 12/14 Eurocone (góc $5^\circ 42' 30''$). 5. Cuồng xương đùi Titanium Alloy có rãnh dọc chống xoay, rãnh ngang chống lún, phun lớp Plasma (0.5mm). Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125-175mm. Độ di lệch cổ chuỗi (Offset): Cổ ngắn (35- 42mm), cổ trung (37-44mm), cổ dài (42 - 49mm) . M/L Width 27-36mm; A/P Thick 12-19mm. Góc cổ 127, 135 độ 6. Vít bắt ổ cối Titanium tự Taro có chiều dài từ 15-50mm Chứng chỉ FDA - USA và CE - EU	Bộ	10
22	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng	1. Lõi cầu lăn trên lớp đệm như gối tự nhiên (ball in socket). Chuyển động xoay sâu 1 góc 15 độ, bán kính góc ổn định 0 - 90 độ. Độ gập gối 145 độ- 8 cỡ lõi cầu đùi: 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8 - Độ rộng mặt trên (A/P): 59, 61, 64, 66, 70, 73, 77, 80mm - Độ dài mặt trên (M/L): 51, 54, 57, 60, 64, 68, 72, 76 mm 2. Mâm chày: Chất liệu Cobalt Chrome /Titanium Alloy bề mặt nhám tạo độ kết dính với xi măng và xương. Mâm chày phải cho chân phải và trái cho chân trái. - Có 11 kích cỡ (size): 1, 2, 2+, 3, 4, 5, 6, 6+, 7, 8, 8+- Độ rộng mặt trên (A/P): 40, 43, 46, 49, 52, 55, 58, 61, 64mm - Độ dài mặt trên (M/L): 54, 58, 62, 66, 70, 74, 78, 82, 86mm.- Chiều dài thân (Stem Length): 31; 34; 35; 38; 41; 43; 50mm 3. Lớp đệm: Chất liệu Polythylene cao phân tử có 6 size, độ dày 10; 12; 14; 17; 20; 24mm. 4. Bánh chè: chất liệu Polythylene cao phân tử, thiết kế kiểu vòm, loại không chân và 3 chân. Có 8 kích cỡ về độ dày và đường kính: 25 x 7 mm; 25 x 9 mm; 26 x 8,0 mm; 28 x 7,0mm; 28 x 9,0mm; 29 x 8,0mm; 32 x 8,0 mm; 35 x 8,0 mm; 38 x 10 mm; 41 x 11,0 mm. 5. Xi măng: Đóng gói tiệt trùng kèm dung dịch * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Bộ	20

23	Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuôi cổ rời	1. Đầu lưỡng cực: chất liệu Cobalt Chrome với bề mặt chịu lực polyethylene liên kết chéo A-CLASS, đường kính từ 36mm đến 65 mm với mỗi kích cỡ tăng 1mm. Phạm vi chuyển động 100° - Lớp lót chất liệu UHMWPE, có một vòng hỗ trợ UHMWPE bên trong vỏ cổ định và có một vòng khóa UHMWPE lắp ráp phía trên vòng hỗ trợ. 3. Cổ rời làm bằng Titanium/Cobalt - Chrome Alloy, góc cổ chuôi có thể điều chỉnh chiều dài và các góc từ 127 độ, 135 độ, 143 độ, chiều dài cổ chuôi: 27mm-38.5mm. 3. Cuống xương đùi chất liệu Titanium/ Cobalt Chrome Alloy Góc cổ Varus cổ điển 8 ° là 127 độ với (Offset): cổ ngắn (37 - 48mm), cổ dài (45 - 57mm) , góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với (Offset): cổ ngắn (34 - 45mm), cổ dài (41 - 53mm). Thân chuôi Titanium Alloy phun lớp Plasma (0.5mm). Kích cỡ: 1-12, chiều dài: 130, 132, 135, 142, 144, 147, 150, 151, 154, 159, 166, 172mm. M/L Width 27.3-39.2mm; A/P Thick 12.8-14.7mm. Cổ côn 12/14 * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Bộ	50
24	Bộ khớp háng bán phần không xi măng cổ liền	1. Đầu lưỡng cực: chất liệu Cobalt Chrome với bề mặt chịu lực polyethylene liên kết chéo A-CLASS, đường kính từ 36mm đến 65 mm với mỗi kích cỡ tăng 1mm. Phạm vi chuyển động 100° - Lớp lót chất liệu UHMWPE, có một vòng hỗ trợ UHMWPE bên trong vỏ cổ định và có một vòng khóa UHMWPE lắp ráp phía trên vòng hỗ trợ. 2. Đầu xương đùi làm bằng Cobalt Chrome đường kính 22, 28, 32, 36mm. Lõi tăng giảm (+0mm,±3,5mm,+7mm,+10.5mm). 3. Cuống xương đùi chất liệu Titanium/ Cobalt Chrome Alloy Góc cổ Varus cổ điển 8 ° là 127 độ với (Offset): cổ ngắn (37 - 48mm), cổ dài (45 - 57mm) , góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với (Offset): cổ ngắn (34 - 45mm), cổ dài (41 - 53mm). Thân chuôi Titanium Alloy phun lớp Plasma (0.5mm). Kích cỡ: 1-12, chiều dài: 130, 132, 135, 142, 144, 147, 150, 151, 154, 159, 166, 172mm. M/L Width 27.3-39.2mm; A/P Thick 12.8-14.7mm. Cổ côn 12/14 * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Bộ	50

25	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi cổ rời	1. Ổ cối: hình cầu bán kính đơn 152° với mái vòm phẳng 14°, chất liệu Titanium phủ lớp hạt titan HA độ xốp 30% độ dày $114\mu\text{m}$, có lỗ bắt 3 vít, 7 vít, 8 vít, 10 vít tùy thuộc vào kích thước ổ cối, có vòng nhả khóa lớp lót, gồm đường kính các cỡ từ 46mm - 68mm và 46-76mm, bước tăng 2mm 2. Lớp lót bằng X-Linked Poly (liên kết chéo) siêu bền có bổ sung vitamin E giúp tăng khả năng chịu mài mòn, có bề chống trượt 0 độ; 15 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định Rim-Lock. 3. Đầu xương đùi làm bằng Cobalt Chrome đường kính 28, 32, 36mm. Lõi tăng giảm (+0mm, ±3,5mm, +7mm, +10.5mm) với taper 12/14. 4. Cuống xương đùi Titanium Alloy có rãnh dọc chống xoay, rãnh ngang chống lún, phun lớp HA độ dày $180\mu\text{m}$ hoặc phun lớp Plasma (0.5mm). Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125-175mm. Độ di lệch cổ chuỗi (Offset): Cổ ngắn (35- 42mm), cổ trung (37-44mm), cổ dài (42 - 49mm) . M/L Width 27-36mm; A/P Thick 12-19mm. Cổ $5^\circ 42'30''$ côn 12/14. Góc cổ 127, 135 độ 5. Vít bắt ổ cối Titanium tự Taro có chiều dài từ 15-50mm.	Bộ	30
26	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi cổ rời Ceramic on Ceramic	1. Ổ cối: hình cầu bán kính đơn 152° với mái vòm phẳng 14°, chất liệu Titanium phủ lớp hạt titan HA độ xốp 30% độ dày $114\mu\text{m}$, có lỗ bắt 3 vít, 7 vít, 8 vít, 10 vít tùy thuộc vào kích thước ổ cối, có vòng nhả khóa lớp lót, gồm đường kính các cỡ từ 46mm - 68mm và 46-76mm, bước tăng 2mm 2. Lớp lót bằng Rim-Lock Ceramic, có bề chống trượt 0 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định Rim-Lock. Đường kính 42-68mm 3. Đầu xương đùi làm bằng BioloX Delta đường kính các cỡ 28,32,36,40mm. Lõi điều chỉnh được (+0mm, ±3,5mm, ±4mm). 4. Cổ rời - Có 10 cỡ cổ modular điều chỉnh 8 hoặc 15 độ góc vẹo trong/vẹo ngoài; 8 hoặc 14 độ nghiêng trước/sau, cổ chuỗi đầu gắn chỏm đường kính Taper 12/14 Eurocone (góc $5^\circ 42'30''$). 5. Cuống xương đùi Titanium Alloy có rãnh dọc chống xoay, rãnh ngang chống lún, phun lớp HA ($180\mu\text{m}$). Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125-175mm. Độ di lệch cổ chuỗi (Offset): Cổ ngắn (35- 42mm), cổ trung (37-44mm), cổ dài (42 - 49mm) . M/L Width 27-36mm; A/P Thick 12-19mm. Cổ $5^\circ 42'30''$ côn 12/14. Góc cổ 127, 135 độ 6. Vít bắt ổ cối Titanium tự Taro có chiều dài từ 15-50mm.	Bộ	10

27	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi cổ rời Ceramic on PE	1. Ổ cối: - Làm bằng Titanium phủ chất kích thích xương HA, có lỗ bắt vít đa hướng 11h, 12h, 13h đóng trước trong 1 góc 1/4 ổ cối, có vòng nhả khóa lớp lót, gồm đường kính các cỡ từ 46mm - 68mm. 2. Vít cố định ổ cối khớp háng: - Chất liệu Titanium tự Taro có chiều dài từ 15-50mm. Dùng cho kỹ thuật mổ Super Path 3. Lớp đệm ổ cối. - Bằng chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE), liên kết ngang, có bề chống trượt cao 15 độ. 4. Chòm xương đùi: - Làm bằng vật liệu Gốm thể hệ mới BioloX Delta, sử dụng các hạt Zirconia được phân tán trong ma trận oxit nhôm để tăng độ cứng và tính ổn định, có đường kính các cỡ từ 28, 32, 36, 40mm. Lỗ có thể điều chỉnh (+0mm, ±3.5mm, ±4mm). 5. Cổ rời: - Có 10 cỡ cổ modular điều chỉnh 8 hoặc 15 độ góc vẹo trong/vẹo ngoài; 8 hoặc 14 độ nghiêng trước/sau, cổ chuỗi đầu gắn chòm đường kính Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30"). có thể điều chỉnh chiều dài và góc từ 127 độ, 135 độ, 143 độ, chiều dài cổ chuỗi: 28mm-38.5mm. 6. Chuôi khớp háng: - Xẻ rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún làm bằng Titanium Alloy (Ti6Al4v), phủ bên ngoài lớp kích thích	Bộ	10
28	Lưới bảo khớp	* Lưới bảo khớp sử dụng công nghệ cửa sổ 3 lớp kết hợp vừa cắt xương, vừa cắt bỏ mô. Dùng 1 lần, bảo cắt lọc mô xơ, thiết kế rỗng lòng để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài, giúp trường phẫu thuật trong suốt. Có chiều dài 130mm, các đường kính là 3mm, 4mm và 5mm. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/CFS	Cái	280
29	Lưới cắt đốt bằng sóng RF	* Đầu đốt lưỡng cực sử dụng sóng RF gồm phần tay cầm có nút bấm có thể tái sử dụng nhiều lần, phần thân (lưới đốt) dùng một lần. Có chức năng hút nước. Phần dây hút nước dài 35cm, Phần dây điện kết nối với tay cầm dài 4m. Có các loại đầu đốt cong 90° và cong 45°, chiều dài 150mm. Sử dụng cho phẫu thuật nội soi khớp háng, khớp gối và khớp vai * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/CFS	Cái	280
30	Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài	* Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài cấu tạo gồm phần vít chặn titanium và vòng dây sọc vân giúp cải thiện khả năng quan sát khi phẫu thuật. Thiết kế khóa 3 điểm giúp cho việc cấy ghép thay thế dễ dàng. Một cỡ vừa với mọi trường hợp. Vòng dây có thể tự điều chỉnh chiều dài từ 15 tới 60mm. Lực kéo đạt lên tới 900N. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Cái	350

31	Khớp háng bán phần không xi măng	1. Cuồng xương đùi (Stem): Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti6AL4V), phủ bên ngoài Titanium-Plasma rỗ tổ ong. Độ dày của lớp phủ 195 - 255 μm. Có 2 loại cuồng cổ Standard và Hight Offset, góc cổ chuôi 132°, cho phép chèn dễ dàng trong kỹ thuật xâm lấn tối thiểu phù hợp cho đường mổ nhỏ lõi trước. Cổ chuôi (Taper) 12/14mm được đánh bóng gương. Độ di lệch cổ chuôi (Offset): 35.6, 38.7, 40.1, 40.7, 42.1, 42.7, 43.3, 43.9, 46.8, 47.4, 48.0, 49.3, 50.5. Chiều dài cổ chuôi (Standard Offset): 35.7, 38.5, 39.3, 39.4, 40.4, 43.4, 43.6. Có 13 size: từ 0 - 12, chiều dài chuôi từ 128mm, 130mm, 133mm, 136mm, 138mm, 140mm, 143mm, 145mm, 148mm, 151mm, 153mm, 158mm, 163mm, có chuôi nhỏ phù hợp với những ca bệnh lý lồng tủy nhỏ. Độ bền kéo > 22 MPA, độ bền cắt > 22 MPA. Thân khớp hình thon, có rãnh dọc chống xoay. 2. Đầu xương đùi (Femoral Head): Vật liệu: Cobalt-Chrome (CoCr) / Stainless Steel. Kích cỡ: 22mm, 28mm có các size - 3,5; 0; +3,5; +4. Thiết kế: Dạng hình cầu chính xác bề mặt được đánh bóng nhằm làm giảm hệ số ma sát chống lại sự mài mòn vật liệu. 3. Đầu lưỡng cực (Bipolar): Có hai lớp, lớp ngoài cùng làm bằng vật liệu Stainless Steel, lớp trong làm bằng Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) với vòng khóa khép kín. Đường kính trong 22mm & 28mm. Đường kính ngoài từ 38mm - 59mm, mỗi Size tăng 1mm.	Bộ	10
32	Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu sinh học	* Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu chất liệu PLA 100% hoặc chất liệu PLA 70% + Beta Tri calcium phosphate 30% (β-TCP), đường kính 6 đến 11 mm và chiều dài 24mm, 30mm, 35 mm, thiết kế dạng vít và đầu dạng tròn. Tiệt trùng. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/CFS	Cái	120

33	Khớp gối di động Module bảo tồn xương	- Lõi cầu: CoCrMo nghiêng trước 4° để giảm notching. Rãnh bánh chè 6 độ; Lõi cầu đùi và lớp đệm luôn luôn cùng kích thước. Có 18 cỡ trái phải: 12 anatomical sizes; 6 Skinny sizes. Lõi cầu dày 9mm và BOXless. Độ duỗi uốn gối trên 10° và gấp tối đa; khớp cốt CAM 80° ở vị trí an toàn; đỉnh chống trật khớp (Jump Height) trên 15mm. - Mâm chày di động: CoCrMo bóng như gương đoạn cuối có nút mâm chày (Tibial Plug), 6 cỡ đồng dạng, dạng mô-đun hoàn hảo: bất kỳ size nào của insert cũng đều tương thích với bất kỳ size nào của mâm chày. Mâm chày tương thích với 28 cỡ cuống xương chày -Lớp đệm di động: Polyethylene cao phân tử, Kích cỡ: 6 cỡ từ 1-6, độ dày: 10, 12,14,16mm kiểu UC MOB, PS MOB/DC Dynamic mặt trong lớp đệm hình cầu cho phép lõi cầu đùi xoay quanh trục trong lúc gấp gối. Dạng hy sinh/giữ lại dây chằng chéo sau, mặt trước nhô cao nhằm tránh khớp gối trượt ra phía trước; mỗi lớp đệm đều tương thích với tất cả các cỡ của mâm chày. Tương thích với bộ trợ cụ của GB có tính năng chính như sau: Vi chỉnh góc Valgus/Varus 0-9°; vi chỉnh Extra rotation +/-9°; Slope mâm chày; kiểm tra chéo độ xoay ngoài lõi cầu đùi và cỡ lõi cầu đùi AP; di chuyển AP từng milimet; kiểm tra khoảng gấp và độ xoay ngoài lõi cầu đùi trực tiếp trên 4in1 Block trước khi cắt. Tương thích với hệ thống định vị cắt thông minh kết nối bằng Bluetooth và cảm biến PERSEUS	Bộ	10
34	Khớp gối di động mâm chày không đối xứng	1. Lõi cầu đùi: chất liệu Cobalt-Chrome (ISO 5832-4), đa trục, dạng chữ J: trục R1 giúp tiếp xúc tối đa với lớp đệm, giúp gối vững hơn; R2 giảm mức độ gối trượt về phía sau; R3 làm giảm bề mặt tiếp xúc khi gấp gối hoàn toàn, 4° chêm mặt cắt trước. Độ dày đoạn xa 8mm và lõi cầu phía sau dày 8mm, gấp 140°, khoảng cách trước sau 38-58mm; khoảng cách giữa 2 lõi cầu trong ngoài là 19mm. Rãnh xi măng 0.5mm. Dạng UC hoặc GMK PS có thể điều chỉnh độ xoay trục +/-10 độ chống lại việc cán 2 bên lõi cầu. Có 14 cỡ: 7 cỡ Standard và 7 cỡ Narrow mặt trong ngoài lõi cầu giảm 4mm. Tương thích với định vị All In One cutting 5in1. 2. Mâm chày di động: chất liệu Cobalt-Chrome (ISO 5832-4), thiết kế không đối xứng trái-phải nhằm tăng cường tối đa độ che phủ xương. Cuống dài 34mm dịch chuyển về phía trước 3mm, dạng vay cá 130° rộng 45-55mm. Rãnh xi măng 0.5mm. Kích cỡ: 6 cỡ Trái và 6 cỡ Phải, đánh số từ 1-6. 3. Lớp đệm di động: chất liệu Polyethylene cao phân tử (ISO 5834-2). Loại STD, UC. Cuống lớp đệm dài J=25,5mm. Có 6 cỡ, độ dày: 10, 12, 14, 17, 20mm hoặc dày 6, 8, 10, 13,16mm.	Bộ	10

35	Khớp háng toàn phần không xi măng	1. Đầu chòm xương đùi (Femoral head): - Chất liệu: Cobalt Chrome/SS, đường kính 28mm gồm: M(0,0), S(-3.5), L(+3.5), XL(+7), XXL (+11); S,M,L,XL, XXL 2. Ổ cối (Acetabular): - Chất liệu: Ti6Al4V grade 5 ELI (ISO 5832-3), phủ Titanium Y 367 và phủ Plasma Ti-Growth-C(400+/-100 micron) hoặc phủ Plasma Ti-Growth-C(400+/-100 micron và HA 40+/-10micro hoặc Titanium Y 367 (300+/-100micron); kích thước từ 44mm-72mm, - Có 3 vay cá ở vị trí 70 độ mỗi bên, chống xoay, bề mặt nhám tổ ong; 3 lỗ vít thiết kế lệch trục lên đến 15 độ, cơ chế khóa lớp đệm bằng Neo hình nón (conial Anchor) ngăn chặn các vi chuyển động giữa lớp đệm và ổ cối. Tương thích với mũi khoan 4,5mmx56mm (Drill bit) 3. Cuống xương đùi (Stem): - Chất liệu: hợp kim Titanium alloy (Ti6Al4V), grade 5ELI(ISO5832/3) toàn bộ phủ HA OSPROVIT 100+/-20µm, Kích cỡ: 11 cỡ từ 1-8 và 8.5-10, chiều dài: 1x127mm, 2x137mm, 3x142mm , 4x147mm, 5x152mm, 6x157mm, 7x162mm, 8x167mm, 8.5x172mm, 9x177mm, 10x187mm. - Có rãnh chống lún và chống xoay, góc cổ chuôi 125° và 135°, cổ chuôi dài 41mm; offset 37-44.3mm, đoạn xa có tiết diện vuông; đoạn gần có tiết diện hình thang. Có 14 cỡ cổ modular điều chỉnh 8 hoặc 15 độ góc vẹo trong/vẹo ngoài; 8 hoặc 14 độ nghiêng trước/sau Taper 12/14 (góc 5°/2'30")	Bộ	5
----	-----------------------------------	--	----	---

36	Khớp háng toàn phần không xi măng	1. Đầu chòm xương đùi (Femoral head): - Chất liệu: Cobalt Chrome/SS, đường kính 28,32mm, gồm: S(-4), M(0,0), L(+4), S(-3.5), L(+3.5), XL(+7), XXL (+11); S,M,L,XL, XXL 2. Ổ cối (Acetabular): - Chất liệu: Ti6Al4V grade 5 ELI (ISO 5832-3), phủ Titanium Y 367 và phủ Plasma Ti-Growth-C(400+/-100 micron) hoặc phủ Plasma Ti-Growth-C(400+/-100 micron và HA 40+/-10micro hoặc Titanium Y 367 (300+/-100micron); kích thước từ 44mm-72mm, - Có 3 vay cá ở vị trí 70 độ mỗi bên, chống xoay, bề mặt nhám tổ ong; 3 lỗ vít thiết kế lệch trục lên đến 15 độ, cơ chế khóa lớp đệm bằng Neo hình nón (conial Anchor) ngăn chặn các vi chuyển động giữa lớp đệm và ổ cối. Tương thích với mũi khoan 4,5mmx56mm (Drill bit) 3. Cuống xương đùi (Stem): - Chất liệu: hợp kim Titanium alloy (Ti6Al4V), grade 5ELI(ISO5832/3) toàn bộ phủ HA OSPROVIT 100+/-20µm, Kích cỡ: 11 cỡ từ 1-8 và 8.5-10, chiều dài: 1x127mm, 2x137mm, 3x142mm , 4x147mm, 5x152mm, 6x157mm, 7x162mm, 8x167mm, 8.5x172mm, 9x177mm, 10x187mm. - Có rãnh chống lún và chống xoay, góc cổ chuôi 125° và 135°, cổ chuôi dài 41mm; offset 37-44.3mm, đoạn xa có tiết diện vuông; đoạn gần có tiết diện hình thang. Có 14 cỡ cổ modular điều chỉnh 8 hoặc 15 độ góc vẹo trong/vẹo ngoài; 8 hoặc 14 độ nghiêng trước/sau Taper 12/14 (góc 5°/2'30")	Bộ	5
----	-----------------------------------	--	----	---

37	Khớp háng toàn phần không xi măng 36Korus	1. Đầu chỏm xương đùi (Femoral head): - Chất liệu: Cobalt Chrome, đường kính 32,36mm, gồm: S(-4), M(0,0), L(+4), XL(+7), XL (+8); S,M,L,XL 2. Ổ cối (Acetabular): - Chất liệu: Ti6Al4V grade 5 ELI (ISO 5832-3), phủ Titanium Y 367 và phủ Plasma Ti-Growth-C(400+/-100 micron) hoặc phủ Plasma Ti-Growth-C(400+/-100 micron và HA 40+/-10micro hoặc Titanium Y 367 (300+/-100micron); kích thước từ 44mm-72mm, - Có 3 vay cá ở vị trí 70 độ mỗi bên, chống xoay, bề mặt nhám tổ ong; 3 lỗ vít thiết kế lệch trục lên đến 15 độ, cơ chế khóa lớp đệm bằng Neo hình nón (conial Anchor) ngăn chặn các vị chuyển động giữa lớp đệm và ổ cối. Tương thích với mũi khoan 4,5mmx56mm (Drill bit) 3. Cuồng xương đùi (Stem): - Chất liệu: hợp kim Titanium alloy (Ti6Al4V), grade 5ELI(ISO5832/3) toàn bộ phủ HA OSPROVIT 100+/-20µm, Kích cỡ: 11 cỡ từ 1-8 và 8.5-10, chiều dài: 1x127mm, 2x137mm, 3x142mm , 4x147mm, 5x152mm, 6x157mm, 7x162mm, 8x167mm, 8.5x172mm, 9x177mm, 10x187mm. - Có rãnh chống lún và chống xoay, góc cổ chuôi 125° và 135°, cổ chuôi dài 41mm; offset 37-44.3mm, đoạn xa có tiết diện vuông; đoạn gần có tiết diện hình thang. Có 14 cỡ cổ modular điều chỉnh 8 hoặc 15 độ góc vẹo trong/vẹo ngoài; 8 hoặc 14 độ nghiêng trước/sau, Taper 12/14 (góc 5°42'30"). 4. Lớp lót (Liner):	Bộ	5
----	---	--	----	---

38	Khớp háng toàn phần không xi măng KOC	1. Đầu chòm xương đùi (Femoral head): - Chất liệu: Ceramic Biolox Delta (ISO 6474), chòm 28,32,36,40mm, các cỡ: S(-3.5), L(+3.5), S(-4), M(0,0), L(+4), XL(+7), XL (+8); S,M,L,XL, XXL. 2. Ổ cối (Acetabular): - Chất liệu: Ti6Al4V grade 5 ELI (ISO 5832-3), phủ Titanium Y 367 và phủ Plasma Ti-Growth-C(400+/-100 micron) hoặc phủ Plasma Ti-Growth-C(400+/-100 micron và HA 40+/-10micro hoặc Titanium Y 367 (300+/-100micron); kích thước từ 44mm-72mm, - Có 3 vay cá ở vị trí 70 độ mỗi bên, chống xoay, bề mặt nhám tổ ong; 3 lỗ vít thiết kế lệch trục lên đến 15 độ, cơ chế khóa lớp đệm bằng Neo hình nón (conial Anchor) ngăn chặn các vi chuyển động giữa lớp đệm và ổ cối. Tương thích với mũi khoan 4,5mmx56mm (Drill bit) 3. Cuồng xương đùi (Stem): - Chất liệu: hợp kim Titanium alloy (Ti6Al4V), grade 5ELI(ISO5832/3) toàn bộ phủ HA OSPROVIT 100+/-20µm, Kích cỡ: 11 cỡ từ 1-8 và 8.5-10, chiều dài: 1x127mm, 2x137mm, 3x142mm , 4x147mm, 5x152mm, 6x157mm, 7x162mm, 8x167mm, 8.5x172mm, 9x177mm, 10x187mm. - Có rãnh chống lún và chống xoay, góc cổ chuôi 125° và 135°, cổ chuôi dài 41mm; offset 37-44.3mm, đoạn xa có tiết diện vuông; đoạn gần có tiết diện hình thang. Có 14 cỡ cổ modular điều chỉnh 8 hoặc 15 độ góc vẹo trong/vẹo ngoài; 8 hoặc 14 độ nghiêng trước/sau Taper 12/14 (góc 5°/2'30")	Bộ	5
----	---------------------------------------	--	----	---

39	Khớp háng toàn phần không xi măng KOP	1. Đầu chòm xương đùi (Femoral head): - Chất liệu: Ceramic BioloX Delta (ISO 6474), chòm 28,32,36,40mm, các cỡ: S(-3.5), L(+3.5), S(-4), M(0,0), L(+4), XL(+7), XXL (+8); S,M,L,XL, XXL. 2. Ổ cối (Acetabular): - Chất liệu: Ti6Al4V grade 5 ELI (ISO 5832-3), phủ Titanium Y 367 và phủ Plasma Ti-Growth-C(400+/-100 micron) hoặc phủ Plasma Ti-Growth-C(400+/-100 micron và HA 40+/-10micro hoặc Titanium Y 367 (300+/-100micron); kích thước từ 44mm-72mm, - Có 3 vay cá ở vị trí 70 độ mỗi bên, chống xoay, bề mặt nhám tổ ong; 3 lỗ vít thiết kế lệch trục lên đến 15 độ, cơ chế khóa lớp đệm bằng Neo hình nón (conial Anchor) ngăn chặn các vị chuyển động giữa lớp đệm và ổ cối. Tương thích với mũi khoan 4,5mmx56mm (Drill bit) 3. Cuồng xương đùi (Stem): - Chất liệu: hợp kim Titanium alloy (Ti6Al4V), grade 5ELI(ISO5832/3) toàn bộ phủ HA OSPROVIT 100+/-20µm, Kích cỡ: 11 cỡ từ 1-8 và 8.5-10, chiều dài: 1x127mm, 2x137mm, 3x142mm , 4x147mm, 5x152mm, 6x157mm, 7x162mm, 8x167mm, 8.5x172mm, 9x177mm, 10x187mm. - Có rãnh chống lún và chống xoay, góc cổ đuôi 125° và 135°, cổ đuôi dài 41mm; offset 37-44.3mm, đoạn xa có tiết diện vuông; đoạn gần có tiết diện hình thang. Có 14 cỡ cổ modular điều chỉnh 8 hoặc 15 độ góc vẹo trong/vẹo ngoài; 8 hoặc 14 độ nghiêng trước/sau Taper 12/14 (góc 5°/12°/30°)	Bộ	5
----	---------------------------------------	---	----	---

40	Khớp háng Bipolar	1. Đầu chòm xương đùi (Femoral head): - Chất liệu:Stainless steel/ Cobalt Chrome (CoCr), có đường kính 28mm gồm các cỡ S(-3.5), M(+0), L(+3.5), XL(+7), XXL(+11). 2. Đầu khớp háng bán phần (Bipolar head): - Chất liệu: AISI 316L Stainless Steel (ISO5832-1)/High Nitrogen Stainless Steel (ISO 5832-9)/ Cobalt Chrome Molybden (ASTM F75-92). Kích thước 40-58mm. - Lớp đệm: Chất liệu Polyethylene cao phân tử IMP 2000-4 Grade (ISO 5834-2) và BS 7253. Đường kính trong 22mm, 28mm và 32mm. Kích cỡ: 40-41mm, 42-44mm, 45-47mm, 48-50mm, 51-54mm, 55-58mm. 3. Cuống xương đùi (Stem): - Chất liệu: hợp kim Titanium alloy (Ti6Al4V),grade 5ELI(ISO5832/3) toàn bộ phủ HA OSPROVIT 100+/-20µm, Kích cỡ: 11cỡ từ 1-8 và 8.5-10, chiều dài: 1x127mm, 2x137mm,3x142mm , 4x147mm, 5x152mm, 6x157mm, 7x162mm, 8x167mm, 8.5x172mm, 9x177mm, 10x187mm. - Có rãnh chống lún và chống xoay, góc cổ chuôi 125° và 135°, cổ chuôi dài 41mm; offset 37-44.3mm, đoạn xa có tiết diện vuông; đoạn gần có tiết diện hình thang. Có 14 cỡ cổ modular điều chỉnh 8 hoặc 15 độ góc vẹo trong/vẹo ngoài; 8 hoặc 14 độ nghiêng trước/sau,Taper 12/14 (góc 5°42'30").	Bộ	5
----	-------------------	--	----	---

41	Khớp háng toàn phần không xi măng chêm 3 chiều	1. Chuôi: chất liệu Titanium-Niobium: Ti6Al7Nb(ISO 5832-11), sandblasted 5µm và phủ HA 80µm; dạng thẳng, có rãnh dọc ngang làm tăng diện tích tiếp xúc lên 10-15%; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; chêm 3 chiều (Triple Taper), đuôi nhọn, double tapered distal tip; Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") và Chiều dài Taper là 12mm, có các răng nhỏ; cổ tròn dài 33,9mm và ngắn hơn 5mm; góc cổ thân 127° hoặc 135°; dài 123.5, 127.5, 131.5, 135.5, 139.5, 143.5, 147.5, 151.5, 155.5, 159.5, 163.5, 167.5mm, offset 35.4mm-55.5mm; kích cỡ: 11 cỡ standard, 12 cỡ cổ ngắn: từ 00SN,0SN,1SN,...10SN và 10 cỡ lateralised. 2. Chòm: chất liệu Co-Cr-Mo (ISO 5832-12)/SS, đường kính 28, 32mm; gồm:S(-3.5), M(+0), L(+3.5), XL(+7), XXL(+10.5);S,M,L,XL,XXL 3. Ổ cối: chất liệu Titanium-Vanadium alloy: Sandblasted, phủ Ti 100µm và HA 90µm có kích thước từ 42mm-64mm, dạng Ellip đáy bằng ngang, cấu trúc rãnh tròn đường kính 0.7mm tăng diện tích tiếp xúc lên 30-40%, phù hợp cho lớp đệm hệ thống khớp đôi; 2 lỗ vít ở vị trí 1h và 13h. Bờ sau ổ cối được thiết kế cao lên 5°, đỉnh bờ chống trật vị trí 12h00 trên ổ cối; vòng khóa kẹp đa răng. Head 32 bắt đầu từ ổ cối 46mm; Head 36 bắt đầu từ ổ cối 50mm 4.Lớp đệm: chất liệu UHMWPE HC Hooded/Flat có hệ số radiation 100kGy và nhiệt độ ổn định 150°C, có 2 dạng chính: trung tính và chống trật 10 độ, cỡ C, E, F, G, đường kính trong 28-32mm	Bộ	5
----	--	--	----	---

42	Khớp háng toàn phần không xi măng chêm 3 chiều	1. Chuôi: chất liệu Titanium-Niobium:Ti6Al7Nb (ISO 5832-11), sandblasted 5µm và phủ HA 80µm; dạng thẳng, có rãnh dọc ngang làm tăng diện tích tiếp xúc lên 10-15%; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; chêm 3 chiều (Triple Taper), đuôi nhọn, double tapered distal tip; Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") và Chiều dài Taper là 12mm, có các răng nhỏ; cổ tròn dài 33,9mm và ngắn hơn 5mm; góc cổ thân 127° hoặc 135°; dài 123.5, 127.5, 131.5, 135.5, 139.5, 143.5, 147.5, 151.5, 155.5, 159.5, 163.5, 167.5mm, offset 35.4mm-55.5mm; kích cỡ: 11 cỡ standard, 12 cỡ cổ ngắn: từ 00SN, 0SN, 1SN, ... 10SN và 10 cỡ lateralised. 2. Chòm: chất liệu Co-Cr-Mo (ISO 5832-12)/SS, đường kính 32, 36mm; gồm: S(-3.5), M(+0), L(+3.5), XL(+7), XXL(+10.5); S, M, L, XL, XXL 3. Ổ cối: chất liệu Titanium-Vanadium alloy: Sandblasted, phủ Ti 100µm và HA 90µm có kích thước từ 42mm-64mm, dạng Ellip đáy bằng ngang, cấu trúc rãnh tròn đường kính 0.7mm tăng diện tích tiếp xúc lên 30-40%, phù hợp cho lớp đệm hệ thống khớp đôi; 2 lỗ vít ở vị trí 1h và 13h. Bờ sau ổ cối được thiết kế cao lên 5°, đỉnh bờ chống trật vị trí 12h00 trên ổ cối; vòng khóa kẹp đa răng. Head 32 bắt đầu từ ổ cối 46mm; Head 36 bắt đầu từ ổ cối 50mm. 4. Lớp đệm: chất liệu UHMWPE HC Hooded/Flat có hệ số radiation 100kGy và nhiệt độ ổn định 150°C, có 2 dạng chính: trung tính và chống trật 10 độ cỡ C, E, F, G, đường	Bộ	5
----	--	--	----	---

43 Khớp háng toàn phần không xi măng chêm 3 chiều, cạnh vuông COC	1. Chuôi: chất liệu Titanium-Niobium: Ti6Al7Nb(ISO 5832-11), sandblasted 5µm và phủ HA 80µm; dạng thẳng, có rãnh dọc ngang làm tăng diện tích tiếp xúc lên 10-15%; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; chêm 3 chiều (Triple Taper), đuôi nhọn, double tapered distal tip; Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") và Chiều dài Taper là 12mm, có các răng nhỏ; cổ tròn dài 33,9mm và ngắn hơn 5mm; góc cổ thân 127° hoặc 135°; dài 123.5, 127.5, 131.5, 135.5, 139.5, 143.5, 147.5, 151.5, 155.5, 159.5, 163.5, 167.5mm, offset 35.4mm-55.5mm; kích cỡ: 11 cỡ standard, 12 cỡ cổ ngắn: từ 00SN,0SN,1SN,...10SN và 10 cỡ lateralised. 2. Chòm: chất liệu Biolox Delta vật liệu: Al2 O3-ZrO2 (ISO 6474), cỡ C, E, F, G, đường kính 28,32,36,40mm; gồm: S(-3.5), M(+0), L(+3.5), XL(+7), XXL(+10.5); S,M,L,XL,XXL 3. Ổ cối: Titanium-Vanadium alloy: Sandblasted, phủ Ti 100µm và HA 90µm có kích thước từ 42mm-64mm, dạng Ellip đáy bằng ngang, cấu trúc rãnh tròn đường kính 0.7mm tăng diện tích tiếp xúc lên 30-40%, phù hợp cho lớp đệm hệ thống khớp đôi; 2 lỗ vít ở vị trí 11h và 13h. Bờ sau ổ cối được thiết kế cao lên 5°, đỉnh bờ chống trượt vị trí 12h00 trên ổ cối; vòng khóa kẹp đa răng. Head 32 bắt đầu từ ổ cối 46mm; Head 36 bắt đầu từ ổ cối 50mm 4. Lớp đệm: chất liệu Biolox Delta vật liệu: Al2 O3-ZrO2 (ISO 6474), cỡ C, E, F, G, đường kính trong 28,32,36mm. 5. Vít: chất liệu Titanium, đường kính 6.5mm, dài 20-45mm.	Bộ	5
---	--	-----------	----------

Tương thích với Bà tra cu định vi đi đươc AMIS kể thuật

44	Khớp háng toàn phần không xi măng chêm 3 chiều, cạnh vuông COP	1. Chuôi: chất liệu Titanium-Niobium:Ti6Al7Nb(ISO 5832-11), sandblasted 5µm và phủ HA 80µm; dạng thẳng, có rãnh dọc ngang làm tăng diện tích tiếp xúc lên 10-15%; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; chêm 3 chiều (Triple Taper), đuôi nhọn, double tapered distal tip; Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") và Chiều dài Taper là 12mm, có các răng nhỏ; cổ tròn dài 33,9mm và ngắn hơn 5mm; góc cổ thân 127° hoặc 135°; dài 123.5, 127.5, 131.5, 135.5, 139.5, 143.5, 147.5, 151.5, 155.5, 159.5, 163.5, 167.5mm, offset 35.4mm-55.5mm; kích cỡ: 11 cỡ standard, 12 cỡ cổ ngắn: từ 00SN,0SN,1SN,...10SN và 10 cỡ lateralised. 2. Chòm: chất liệu Biolox Delta vật liệu: Al2 O3-ZrO2 (ISO 6474), đường kính 28,32,36,40mm; gồm: S(-3.5), M(+0), L(+3.5), XL(+7), XXL(+10.5);S,M,L,XL,XXL 3. Ổ cối: chất liệu Titanium-Vanadium alloy: Sandblasted, phủ Ti 100µm và HA 90µm có kích thước từ 42mm-64mm, dạng Ellip đáy bằng ngang, cấu trúc rãnh tròn đường kính 0.7mm tăng diện tiếp xúc lên 30-40%, phù hợp cho lớp đệm hệ thống khớp đôi; 2 lỗ vít ở vị trí 11h và 13h. Bờ sau ổ cối được thiết kế cao lên 5°, đỉnh bờ chống trật vị trí 12h00 trên ổ cối; vòng khóa kẹp đa răng. Head 32 bắt đầu từ ổ cối 46mm; Head 36 bắt đầu từ ổ cối 50mm 4.Lớp đệm: chất liệu UHMWPE HC Hooded/Flat có hệ số radiation 100kGy và nhiệt độ ổn định 150°C, có 2 dạng chính: trung tính và chống trật 10 độ, cỡ C, E, F, G, đường kính trong 28 32 36mm	Bộ	5
----	--	--	----	---

45	Khớp háng toàn phần không xi măng chêm 3 chiều, cạnh vuông, chuôi dài	1. Chuôi: chất liệu Titanium-Niobium: (ISO 5832-11), sandblasted 5µm và phủ HA 80µm; dạng thẳng, có rãnh dọc ngang làm tăng diện tích tiếp xúc lên 10-15%; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; chêm 3 chiều (Triple Taper), đuôi nhọn, double tapered distal tip; Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") và Chiều dài Taper là 12mm, có các răng nhỏ; cổ tròn, góc cổ thân 127°; dài 170, 175, 180, 185, 190, 195, 200, 205, 210, 215mm, offset 43.8mm-56.0mm; kích cỡ: 9 cỡ lateralised. 2. Chòm: chất liệu Co-Cr-Mo (ISO 5832-12)/SS, đường kính 28,32,36mm; gồm: S(-3.5), M(+0), L(+3.5), XL(+7), XXL(+10.5);S,M,L,XL,XXL 3. Ổ cối: chất liệu Titanium-Vanadium alloy: Sandblasted, phủ Ti 100µm và HA 90µm có kích thước từ 42mm-64mm, dạng Ellip đáy bằng ngang, cấu trúc rãnh tròn đường kính 0.7mm tăng diện tích tiếp xúc lên 30-40%, phù hợp cho lớp đệm hệ thống khớp đôi; 2 lỗ vít ở vị trí 11h và 13h. Bờ sau ổ cối được thiết kế cao lên 5°, đỉnh bờ chống trật vị trí 12h00 trên ổ cối; vòng khóa kẹp đa răng. Head 32 bắt đầu từ ổ cối 46mm; Head 36 bắt đầu từ ổ cối 50mm 4. Lớp đệm: chất liệu UHMWPE HC Hooded/Flat có hệ số radiation 100kGy và nhiệt độ ổn định 150°C, có 2 dạng chính: trung tính và chống trật 10 độ, đường kính trong 28,32,36mm. 5. Vít: chất liệu Titanium, đường kính 6.5mm, dài 20-45mm. Tương thích với Bộ trợ cụ định vị di động AMIS, kỹ thuật	Bộ	5
46	Khớp háng Bipolar không xi măng chêm 3 chiều, cạnh vuông chuôi dài, vòng khóa đàn hồi	1. Chuôi: chất liệu Titanium-Niobium: Ti6Al7Nb (ISO 5832-11), sandblasted 5µm và phủ HA 80µm; dạng thẳng, có rãnh dọc ngang làm tăng diện tích tiếp xúc lên 10-15%; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; chêm 3 chiều (Triple Taper), đuôi nhọn, double tapered distal tip; Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") và Chiều dài Taper là 12mm, có các răng nhỏ; cổ tròn, góc cổ thân 127°; dài 170, 175, 180, 185, 190, 195, 200, 205, 210, 215mm, offset 43.8mm-56.0mm; kích cỡ: 9 cỡ lateralised. 2. Chòm: chất liệu Cobalt Chrome/stainless steel, đường kính 22, 28mm; gồm các cỡ S(-3.5), M(+0), L(+3.5), XL(+7), XXL(+10.5). 3. Đầu lưỡng cực: Bên ngoài bằng chất liệu Stainless Steel và lớp đệm bên trong UHMWPE HC Hooded/Flat có hệ số radiation 100kGy và nhiệt độ ổn định 150°C, có vòng khóa đàn hồi; kích cỡ từ 39mm-60mm. Tương thích với Bộ trợ cụ định vị di động AMIS, kỹ thuật mổ lối trước ít xâm lấn	Bộ	5

47	vít treo màng ghép gân	- Vít chốt neo cổ định dây chằng chéo, bao gồm: 1 nút titan (ISO 5832-3), 1 vòng polyethylene terephthalate (PET), 2 sợi kéo terephthalate polyethylene (xanh lá cây và trắng) nút có 4 lỗ, bo tròn 2 đầu, rộng 4.0mm, dài 12mm, độ dày 1.5mm dây treo 15, 20, 25, 30, 35, 40 mm. Sản phẩm được cung cấp trong một gói vô trùng và tiệt trùng Gamma - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/CFS	cái	50
48	khớp háng toàn phần có xi măng	1. Đầu chòm xương đùi (Femoral head): - Chất liệu: Cobalt Chrome/SS, đường kính 28,32mm, gồm: S(-4), M(0,0), L(+4), S(-3.5), L(+3.5), XL(+7), XXL (+11); S,M,L,XL, XXL	Bộ	5
49	khớp háng bán phần có xi măng	1. Đầu chòm xương đùi (Femoral head): - Chất liệu:Stainless steel/ Cobalt Chrome (CoCr), có đường kính 28mm gồm các cỡ S(-3.5), M(+0), L(+3.5), XL(+7), XXL(+11).		5
50	Khớp gối toàn phần cố định có xi măng	* Lõi cầu đùi: hợp kim Co-Cr-Mo, có mẫu "Cam" ngăn ngừa trật khớp. Hình dạng cong tăng tầm hoạt động của xương bánh chè. Size 3-11, kích thước AP/ML từ 51/59mm-66/74mm. * Mâm chày: Hợp kim Co-Cr-Mo, dạng cố định (fixed)	Bộ	10
51	Đĩa đệm cổ động, xoay đa hướng, tâm xoay biến thiên, độ uốn 20 độ, nghiêng bên 16 độ	Vật liệu cobalt-chrome-molybdenum. Cao 5-7mm, rộng 15-19mm, sâu 13-15mm. Bề mặt nhám có răng cố định. Độ xoay uốn 20 độ, nghiêng bên 16 độ, quay 360 độ. Hai mảnh gắn với nhau bởi trục xoay có trung tâm biến thiên. Đóng gói lắp ráp sẵn, tiệt trùng sẵn. Tiêu chuẩn chất lượng CE. ISO.	Cái	5
52	Đĩa đệm cột sống cổ nhồi xương loại cao đến 9mm, bề mặt răng cưa cao 0,8mm	Vật liệu Peek Optima. Cao 4 - 9mm, rộng 14mm, sâu 13mm. Bề mặt cong theo giải phẫu, răng cưa cao 0,8mm, có sẵn xương ghép +, Đóng gói tiệt trùng sẵn, Tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE	Cái	20
53	Đĩa đệm cột sống cổ bề mặt có răng cưa, các cỡ	Vật liệu Peek Optima Cao 4 - 9mm, rộng 14mm, sâu 13mm Bề mặt cong theo giải phẫu, răng cưa cao 0,8mm, có khoan ghép xương, Đóng gói tiệt trùng sẵn, Tiêu chuẩn chất lượng CE	Cái	100
54	Đốt sống nhân tạo dạng lồng hình trụ tròn, vật liệu Titan, 13mm x 30mm	Vật liệu: Titanium. Đường kính: 13mm. Dài 30mm. Dạng hình trụ tròn có mắt lưới hình tam giác. Dùng để đặt và thay thân sống.	Cái	5
55	Đốt sống nhân tạo dạng lồng hình trụ tròn, vật liệu Titan, 13mm x 70mm	Vật liệu: Titanium. Đường kính: 13mm. Dài 70mm. Dạng hình trụ tròn có mắt lưới hình tam giác. Dùng để đặt và thay thân sống.	Cái	5
56	Đốt sống nhân tạo dạng lồng hình trụ tròn, vật liệu Titan, 16mm x 60mm	Vật liệu: Titanium. Đường kính: 16mm. Dài 60mm. Dạng hình trụ tròn có mắt lưới hình tam giác. Dùng để đặt và thay thân sống.	Cái	5
57	Kim chọc dò thân đốt sống	Kim được chế tạo hoàn toàn bằng vật liệu thép không gỉ AISI 304. Các vạch đo độ sâu trên thân kim cho phép quan sát và định vị chính xác vị trí của kim trong quá trình phẫu thuật. Đầu kim được chế tạo với dạng vát. Thân kim có cỡ 11G, chiều dài từ 120 - 150mm	cái	30

58	Đĩa đệm lưng cong	Chất liệu PEEK-OPTIMA® LTI đạt chuẩn ASTM F2026, marker định vị chất liệu unalloyed tantalum đạt chuẩn ASTM F560 Thiết kế đầu nhỏ & thuôn nhọn (sharp & narrow tip) độ uốn lordosis 0°, 4°, 8° Khoang ghép xương rộng Kích thước : Loại TLIF : dài 26mm/28mm/30mm/32mm, rộng 11mm, cao 7-16mm Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA	cái	40
59	Nẹp nối ngang cột sống lưng các cỡ	- Vật liệu: Titanium. - Chiều dài 33mm đến 90mm. - Thiết kế tăng đơ, có thể điều chỉnh độ dài ngắn thích hợp, giúp giảm thiểu áp lực lên màng cứng; Được phân biệt bằng màu sắc khác nhau. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, ISO, CE	Cái	0
60	Nẹp dọc	- Vật liệu: Titanium. - Đường kính 5.5mm, chiều dài 480mm. - Thiết kế hình trụ tròn, tương thích với vít đơn trục và đa trục cánh ren đôi xoắn kép. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, ISO, CE	Cái	30
61	Nẹp dọc qua da uốn sẵn cột sống ngực/thắt lưng	Vật liệu: Cobalt Chrome. Đường kính: 4.75 mm. Uốn sẵn. Chiều dài từ 30mm - 90mm với bước tăng 5mm. Đồng bộ với vít cột sống ngực/thắt lưng đa trục rộng nòng qua da và ốc khóa trong qua da tự gãy có chiều cao ban đầu là 10.38mm, chiều cao sau khi vận đủ lực là 4.85mm (không tính phần khuyết của vít khóa trong)	Cái	20
62	Ốc khóa trong cánh ren ngực	- Vật liệu: Titanium. - Đường kính trong được thiết kế theo hình lục giác. Tương thích với vít đơn trục và đa trục với ren đôi xoắn kép. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, ISO, CE	Cái	200
63	Ốc khóa trong cho vít nắn trượt	- Vật liệu: Titanium. - Đường kính trong được thiết kế theo hình lục giác. Tương thích với vít nắn trượt đuôi dài Reduction. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, ISO, CE	Cái	100
64	Ốc khóa trong cột sống ngực/thắt lưng qua da tự gãy vật liệu Titan	Vật liệu: hợp kim Titanium. Khoảng cách giữa hai bước ren 0.9mm. Đường kính ren 7.863mm. Chiều cao sau khi bẻ mũ vít khóa trong 4.85mm (không tính phần khuyết của vít khóa trong). Chiều cao ban đầu trước khi bẻ mũ vít khóa trong: 10.38mm. Tự gãy khi vận đủ lực.. Đồng bộ với vít cột sống ngực/thắt lưng đa trục rộng nòng qua da và nẹp dọc qua da uốn sẵn 4.75mm	Cái	40

65	Vít cột sống ngực/thắt lưng đa trục	Mũi vít vật liệu Colbalt Chrome với vòng vương miện Titanium. Thân vít vật liệu hợp kim Titanium. Vít rỗng lòng. Vít có hai bước ren để tăng cố định vào xương, phù hợp cho vùng xương xốp và vùng xương cứng. Phần bẻ của mũi vít dài lên tới 13.8mm cho phép nắn chỉnh trượt. Vít đi với hệ thống rod 4.75. Có nhiều loại đường kính khác nhau: từ 4.5mm - 8.5mm, bước tăng 1mm. Chiều dài vít từ 35mm - 80mm với bước tăng 5mm. Đồng bộ với nẹp dọc qua da đường kính 4.75mm và ốc khóa trong qua da tự gãy có chiều cao ban đầu là 10.38mm, chiều cao sau khi vận đủ lực là 4.85mm	Cái	40
66	Vít đa trục cột sống lưng với ren đôi xoắn kép các cỡ	- Vật liệu: Titanium. - Đường kính từ : 4.0mm đến 8.0mm; Chiều dài từ 30mm đến 95mm. - Thiết kế Low profile dạng cuống nhỏ giúp giảm thiểu va chạm với mô mềm; quay đa hướng với góc quay lên đến 65 độ; Thân vít có ren đôi dạng xoắn kép tự Taro. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, ISO, CE	Cái	200
67	Vít đa trục mô ít xâm lấn	Chất liệu titanium. Đầu vít dài có thiết kế dạng 1/4 ống, có lỗ pilot và cửa sổ rộng để quan sát phẫu trường, dễ thao tác, tiết kiệm thời gian phẫu thuật và hạn chế tiếp xúc tia xạ. Bắt nhiều vít trên 1 đường mổ nhỏ. Thân vít có các lỗ bơm xi măng dùng cho bệnh nhân loãng xương Có kèm xi măng sinh học cho ca mổ Kích thước : 5.5/ 6.0/ 6.25. 6.5/ 7.0mm, dài 35 - 45mm. Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA	cái	50
68	Vít nắn trượt đa trục cột sống lưng cuống nhỏ, các cỡ	- Vật liệu: Titanium. - Đường kính từ : 4.0mm đến 8.0mm; Chiều dài từ 30mm đến 95mm. - Thiết kế Low profile dạng cuống nhỏ giúp giảm thiểu va chạm với mô mềm; Đầu vít được thiết kế dài hơn gồm 2 phần nhằm giảm lực nén và chèn thanh Rod dễ dàng, sau khi siết đủ lực, một phần đầu ốc sẽ gãy và rơi ra; Vít quay đa hướng với góc quay lên đến 65 độ. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, ISO, CE	Cái	100
69	Vít cột sống lưng	Chất liệu Titanium , đạt chuẩn ASTM F136 Kích thước : - Đầu vít nhỏ : đơn trục 15.2mm, đa trục 16.2mm, vít đa trục góc xoay 45 độ - Thân vít : đường kính 4.5/ 5.5/ 6.5/ 7.5/ 8.5mm, chiều dài 20mm-150mm Đầu vít hình pot shape, sử dụng được loại rod 5.5 và 6.0mm. Mũi vít tự taro double seft tapping. Trục vít & lõi vít dày (thicker hub & thicker core), cứng cáp, chống gãy anti-breakage. Vít có thiết kế ren đôi double thread, lõi hình nón conical core, 2 phần ren cortical & cancellous giúp bám xương chắc chắn. Vít được mã hóa màu để nhận diện kích cỡ Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA	Cái	100

70	Ốc khóa trong cho vít cột sống ngực lưng	Vật liệu: hợp kim Titanium. Tự gãy khi vận đủ lực. Được thiết kế cánh ren ngược, tránh nhô vít và tròn ren. Tổng chiều dài của vít khóa trong trước khi bẻ: 13.13mm. Đường kính: 8.883mm. Khoảng cách giữa 2 bước ren 1.0 mm. Chiều dài của phần vít khóa trong sau khi bẻ: 4.65mm. Đồng bộ với vít đa trục/đơn trục và nẹp dọc đường kính 5.5mm	Cái	1.000
71	Vít cột sống đa trục	Vật liệu: Hợp kim Titanium. Công nghệ cánh ren ngược. Vít có đường kính: 4.0 đến 8.5mm, chiều dài từ 20 - 70mm. Khoảng cách giữa 2 bước ren 2.82mm. Chiều cao mũ vít 16.1mm. Chiều rộng phần mũ vít trượt trên thanh dọc 9.2mm. Chiều rộng phần mũ vít phần song song với thanh dọc 10.65mm. Chiều rộng phần mũ vít phần vuông góc với thanh dọc 11.4mm. Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là 28 độ. Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc (mỗi đường kính 1 màu khác nhau). Đồng bộ với nẹp dọc đường kính 5.5mm và vít khóa trong tự gãy có chiều dài ban đầu là 13.13mm, chiều dài sau khi vận đủ lực là 4.65mm (chưa tính phần khuyết của vít khóa trong)	Cái	1.000
72	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống	Vật liệu: PEEK, hình hạt đậu có đầu hình viên đạn giúp dễ dàng đưa vào, có răng. Số điểm đánh dấu cân quang: 4 điểm bằng Tantalum. Chiều dài: 25, 30mm. Chiều cao: 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 và 15mm. Chiều rộng trước /sau : 10mm. Độ uốn: 6 độ. Diện tích bề mặt 133mm ² với chiều dài 25mm, 156mm ² với chiều dài 30mm. Khoảng ghép xương từ: 0.3 - 1.17 cc tùy kích thước. Đóng gói trong hộp đã được tiệt trùng. Có 2 đầu gắn dụng cụ để đặt gần thẳng 0 độ hoặc gần nghiêng 15 độ. Cách nhận biết khi đặt đĩa đệm hoàn chỉnh là: Sau khi đặt vào đĩa đệm bệnh nhân sẽ cho hình ảnh X quang (Lateral hình chữ H, A/P là 3 đường thẳng song song)	Cái	200
73	Nẹp dọc thẳng cột sống ngực lưng	Nẹp dọc cứng đường kính 5,5mm. Chất liệu: Hợp kim Titanium. Dài 500mm, trong đó 494mm hình trụ tròn và đầu 6mm hình lục lăng dùng để xoay nẹp. Có 2 đường kẻ dọc để đánh dấu khi xoay	Cái	180
74	Nẹp dọc	Chất liệu Ti-6Al-4V ELI, đạt chuẩn ASTM F136 Đường kính 2 đầu 3.5mm/6.0mm. Chiều dài 400mm : 100/300 và 150/250 Tương thích vít cổ sau LnK CastleLoc-S và trụ cụ LnK Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE, FDA	cái	20
75	Nẹp dọc	Chất liệu Titanium. Đường kính 5.5mm, dài 40-150mm, uốn cong sẵn. 1 đầu trơn nhọn, 1 đầu gắn tương thích trụ cụ Nova MISS. Tiêu chuẩn ISO, FDA	cái	10

76	Đĩa đệm cột sống lưng với răng hình kim tự tháp, loại cong, các cỡ	- Vật liệu: PEEK-Titanium - Kích thước: Chiều dài 28mm và 32mm; chiều rộng 9mm, 10mm và 11mm; chiều cao từ 7mm đến 16mm; Độ uốn : 0 độ, 5 độ và 8 độ. - Đặc tính kỹ thuật: Thiết kế hình trái chuối, có khớp nối ở đầu đĩa giúp xoay đĩa 90 độ một cách dễ dàng. Bề mặt răng hình kim tự tháp, giúp chống trượt đĩa và bám chặt; Có vạch cản quang Tantalum; Khung nhồi xương lớn với lỗ trước và lỗ sau hỗ trợ lưu thông máu. - Tiêu chuẩn: FDA, ISO, CE	Cái	90
77	Ốc khóa trong cánh ren ngược	- Vật liệu: Titanium. - Đường kính trong được thiết kế theo hình lục giác. Tương thích với vít đơn trục và đa trục với ren đôi xoắn kép. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, ISO, CE	Cái/ Gói	8
78	Kim chọc dò cuống sống cột sống thắt lưng	Vật liệu: Thép không gỉ và polymer (nhựa y tế). Kim được thiết kế với 2 đường kính: phía mũi đường kính nhỏ và phía sau đường kính lớn hơn, giúp dễ dàng đưa kim vào thân đốt sống qua cuống sống. Tay cầm có khóa có thể tháo rời. Chiều dài 150mm/232.89mm. Gồm hai phần: phần kim bên ngoài với đường kính 4.191mm và nòng bên trong với đường kính 3.175mm. Có các loại mũi vít, trocar và mũi vít dạng trocar. Hàng đóng gói đã tiệt trùng.	Gói	6
79	Bộ nẹp khóa bản hẹp các cỡ	- Chất liệu : Titanium - Nẹp khoá nén ép ít tiếp xúc LC-LCP bản hẹp, sử dụng vít khoá 5.0mm, vít xương cứng 4.5mm - Kích thước : dài 5/6/7/8/9/10/11/12/13/14/15/16 lỗ, tương ứng chiều dài 98/116/134/152/170/184/206/224/242/260/278/296mm - Nẹp dày : đầu nẹp dày 2.8mm, thân nẹp dày 4.8mm - Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 13.5mm, thân nẹp rộng 13.5mm - Đóng gói tiệt trùng sẵn - Tương thích hệ thống vít khoá và trợ cụ canwell - Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE - Bộ gồm: 1 nẹp + 10 vít các loại	Bộ	50
80	Xương nhân tạo dạng hạt 10cc	Chất liệu exabone 60%HA + 40% TCP, macroporosity : 200-800 μ m, microporosity 1.0-10 μ m, porosity: 81%, độ vững chắc 5.5-7.5 MPa, tiệt trùng bằng Gamma 25-35 kGy đạt chuẩn BS EN ISO 11137, CE, dung tích 10cc	Cái	5
81	Xương nhân tạo dạng hạt 5cc	Chất liệu exabone 60%HA + 40% TCP, macroporosity : 200-800 μ m, microporosity 1.0-10 μ m, porosity: 81%, độ vững chắc 5.5-7.5 MPa, tiệt trùng bằng Gamma 25-35 kGy đạt chuẩn BS EN ISO 11137, CE, dung tích 5cc	Cái	5
82	Xương nhân tạo dạng khối các cỡ	Chất liệu exabone 60%HA + 40%TCP, Pore size: 200-800 μ m, porosity:81%, độ vững chắc 5.5-7.5 MPa, dạng khối 10x10x20mm/ 10x10x30mm/ 10x10x40mm, tiệt trùng bằng Gamma 25-35 kGy đạt chuẩn BS EN ISO 11137	Cái	5
83	Bộ bất động ngoài đầu xương	Gồm 2 thanh ren thép 316 đường kính 8mm, 8 khối chữ nhật, 8 bu lông, 16 đai ốc, 4 đinh Schanz.	Bộ	10

84	Bộ cố định ngoài cẳng chân	- Gồm 2 thanh ren đường kính 8mm dài 330mm, 8 khối chữ nhật, 8 bu lông, 16 đai ốc thép không rỉ, 4 đinh Schanz 5.0mm	Bộ	3
85	Bộ cố định ngoài chữ T	- Gồm 2 thanh ren đường kính 8mm dài 330mm, 2 thanh ren đường kính 6mm dài 160-180mm, 12 khối chữ nhật, 10 bu lông, 28 đai ốc thép không rỉ, 5 đinh Schanz.	Bộ	7
86	Bộ cố định ngoài gần khớp	- Gồm 1 thanh cong nửa vòng đường kính 8mm, 1 thanh thẳng 8x300mm, 1 thanh răng 6x230-250mm, 12 khối chữ nhật, 25 bu lông, 4 đai ốc thép không rỉ, 6 đinh Schanz.	Bộ	6
87	Bộ cố định ngoài qua gối	- Gồm 2 thanh ren đường kính 8mm dài 650mm, 12 khối chữ nhật, 24 đai ốc, 12 bulông thép không rỉ, 6 đinh Schanz 5.0mm.	Bộ	6
88	Bộ đinh nội tủy rỗng nòng có chốt dùng cho xương đùi/ xương chày, chất liệu titanium	- Chất liệu titanium. - Bộ Đinh nội tủy rỗng nòng xương đùi gồm: 01 đinh + 2 vít cổ xương đùi 7.0 + 02 vít chốt 5.0. Đinh nội tủy xương đùi đường kính thân 9.4/10/11, dài 320mm-420mm, đầu đinh đường kính 13.5mm, hướng vít 135 độ, sử dụng vít cổ đường kính 7.0mm, dài 65mm-110mm, bước ren tăng 5mm - Thân sử dụng vít chốt đường kính 5.0mm, dài 25mm-85mm, bước ren tăng 5mm. - Bộ Đinh nội tủy rỗng nòng xương chày gồm: 01 đinh + 03 vít chốt 4.5mm + 02 vít chốt 5.0mm. Đinh nội tủy xương chày đường kính thân 8.4/9/10/11mm cho xương chày, đầu đinh đường kính 12mm, nghiêng góc 10 độ dài 47mm. - Sử dụng vít chốt đường kính 4.5mm, dài 25mm-65mm, vít chốt đường kính 5.0mm, dài 25mm-85mm. - Dùng khung định vị 3 chiều - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Bộ	200
89	Bộ đinh nội tủy xương đùi rỗng nòng ngắn/dài (PFNA), chất liệu titanium	- Chất liệu titanium. - Bộ Đinh nội tủy xương đùi rỗng nòng ngắn/ dài GAMMA (PFNA) đầu đinh đường kính 16.2mm, hướng vít 130 độ, sử dụng lưới chốt đường kính 10.5mm, dài 75mm-120mm, thân đinh đường kính 9.4/10/11/12mm x 170-420mm. - Thân sử dụng vít chốt đường kính 5.0mm dài 25mm-85mm. - Dùng khung định vị 3 chiều. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Bộ	8
90	Bộ đinh xương chày các cỡ	Chất liệu Titanium, đinh lòng rỗng, tương đương loại CanETN	Cái	10
91	Bộ nẹp bản nhỏ nén ép 4-10 lỗ, chất liệu titanium	- Chất liệu titanium - Bộ nẹp gồm : 1 nẹp + 8 vít xương cứng đường kính 3.5mm dài 8-90mm - Nẹp dày 3.3mm, rộng 11mm, 4/5/6/7/8/10 lỗ tương ứng chiều dài 51/64/77/90/103/129mm, khoảng cách lỗ 13mm - Dùng vít xương cứng 3.5mm x 10-40mm, bước tăng 2mm, chất liệu titanium - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Bộ	145

92	Bộ nẹp đòn S 6-10 lỗ, chất liệu titanium	- Chất liệu titanium - Bộ nẹp gồm : 1 nẹp + 8 vít xương cứng đường kính 3.5mm dài 8-90mm - Dày 3.2mm, rộng 10mm, 6/8/10 lỗ tương ứng với chiều dài 69/92/115mm - Dùng vít xương cứng 3.5mm, chất liệu titanium - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Bộ	45
93	Bộ nẹp khóa DHS 3-12 lỗ, chất liệu titanium	- Chất liệu titanium - Bộ nẹp khóa DHS gồm: 1 nẹp khóa + 1 vít DHS đường kính 12.5mm, dài 50-110mm + 3 vít khóa đường kính 5.0mm, dài 10-90mm + 2 vít xương cứng đường kính 4.5mm, dài 18-100mm. - Nẹp có hướng vít cổ góc 135 độ, sử dụng vít DHS đường kính 12.5mm, thân có 3/4/6/8/10/12 lỗ, tương ứng chiều dài 77/94/128/162/196/230mm. - Thân nẹp lỗ kết hợp dùng vít khóa đường kính 5.0mm và vít xương cứng đường kính 4.5mm. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Bộ	8
94	Bộ nẹp mắc xích 4-16 lỗ, chất liệu titanium	- Chất liệu titanium - Bộ nẹp gồm : 1 nẹp + 8 vít xương cứng đường kính 3.5mm dài 8-90mm - Nẹp dày 3.2mm, rộng 10mm, 4/5/6/7/8/9/10/12/14/16 lỗ tương ứng chiều dài 46/58/70/82/94/106/118/142/166/190mm - Dùng vít xương cứng 3.5mm, chất liệu titanium - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Bộ	25
95	Bộ nẹp vít động đầu trên xương đùi 3-12 lỗ, chất liệu titanium	- Chất liệu (nẹp, vít cổ xương đùi, vít nén) : titanium - Góc 130 độ, nòng dài 38mm - Dày 5.7mm, Rộng 19mm, 3/4/6/8/10/12 lỗ tương ứng chiều dài 66/84/102/120/156/192mm - Dùng vít cổ xương đùi đường kính 12.5mm, dài từ 50-110mm với bước tăng 5mm - Thân nẹp dùng vít xương cứng đk 4.5mm, dài 18-100mm, chất liệu titanium. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Bộ	10
96	Vít rỗng nén ép kết hợp xương thuyền, chất liệu titanium	- Chất liệu titanium - Vít rỗng nén ép không đầu đường kính 2.5, dài 8-30 mm với bước tăng 2mm, tự taro - Đường kính 3.5mm, dài 16-50mm với bước tăng 2mm, tự taro - Đường kính 4.0mm dài 15-60mm với bước tăng 5mm, tự taro - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái/gói	10
97	Nẹp đầu dưới xương quay ốp mặt lòng 3 lỗ đầu, 3/4/5 lỗ thân, chất liệu titanium	- Chất liệu titanium. - Bộ nẹp đầu dưới xương quay ốp mặt lòng gồm: 1 nẹp + 7 vít xương cứng đường kính 3.5mm. - 3 lỗ đầu, dày 1.5mm, rộng 10mm, 3/4/5 lỗ tương ứng chiều dài 52/63/74mm. - Dùng vít xương cứng 3.5mm, chất liệu titanium - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Bộ	45

98	Bộ nẹp khóa bản rộng 5-18 lỗ, chất liệu titanium	- Nẹp rộng 17.6mm; dày 5.6mm; số lỗ của nẹp: 5-18 lỗ, tương ứng chiều dài từ 96-330mm. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 5.0 mm, dài từ 14mm đến 110mm. + Vít cứng Ø 4.5 mm, dài từ 14mm đến 110mm; mũ vít hình lục giác. - Chất liệu hợp kim Titan	Bộ	5
99	Bộ nẹp khóa cẳng tay 4-12 lỗ, chất liệu titanium	- Nẹp rộng 10mm; dày 3mm; số lỗ của nẹp: 4 -12 lỗ, tương ứng chiều dài từ 58-162mm. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 3.5 mm, dài từ 10mm đến 70mm + Vít cứng Ø 3.5 mm, dài từ 10mm đến 70mm; mũ vít hình lục giác. - Chất liệu hợp kim Titan theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe)	Bộ	95
100	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương cẳng chân 6-14 lỗ, chất liệu titanium	- Rộng 11.5mm; dày 3.7mm; số lỗ nẹp: 6-14 lỗ, tương ứng chiều dài từ 140.5-244.5mm. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 3.5 mm, dài từ 10mm đến 70mm + Vít cứng Ø 3.5 mm, dài từ 10mm đến 70mm; mũ vít hình lục giác. - Chất liệu hợp kim Titan	Bộ	5
101	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay (mặt trong, mặt ngoài), chất liệu titanium	- Nẹp khóa đầu dưới mặt trong xương cánh tay: Rộng 11mm; dày 3.2mm; số lỗ của nẹp: 3-13 lỗ, tương ứng chiều dài từ 94-224mm. - Nẹp khóa đầu dưới mặt ngoài xương cánh tay: Rộng 11mm; dày 3.2mm; số lỗ từ 3-13 lỗ, tương ứng chiều dài từ 74-204mm. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 3.5 mm, dài từ 10mm đến 70mm + Vít cứng Ø 3.5 mm, dài từ 10mm đến 70mm; mũ vít hình lục giác. - Chất liệu hợp kim Titan theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe)	Bộ	15
102	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương chày 6-14 lỗ, chất liệu titanium	- Nẹp rộng 16mm; dày 3mm; số lỗ của nẹp: 4 -11 lỗ, tương ứng chiều dài từ 104-230mm. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 5.0 mm, dài từ 14mm đến 110mm. + Vít cứng Ø 4.5 mm, dài từ 14mm đến 110mm; mũ vít hình lục giác - Chất liệu hợp kim Titan	Bộ	7
103	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trong 6-14 lỗ, chất liệu titanium	- Rộng 11.5mm; dày 3.7mm; số lỗ nẹp: 6-14 lỗ, tương ứng chiều dài từ 140.5-244.5mm. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 3.5 mm, dài từ 10mm đến 70mm + Vít cứng Ø 3.5 mm, dài từ 10mm đến 70mm; mũ vít hình lục giác. - Chất liệu hợp kim Titan	Bộ	20

104	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương đùi nén ép, trái/phải, 6-14 lỗ, chất liệu titanium	- Rộng 16.2mm; dày 5.5mm; số lỗ của nẹp: 6-15 lỗ, tương ứng chiều dài từ 181-361mm. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 5.0 mm, dài từ 14mm đến 110mm. + Vít cứng Ø 4.5 mm, dài từ 14mm đến 110mm; mũ vít hình lục giác - Chất liệu hợp kim Titan	Bộ	20
105	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương quay, 3-5 lỗ, chất liệu titanium	- Nẹp khóa đầu dưới xương quay bàn tay (7 lỗ đầu): Rộng 9mm; dày 2.5mm; số lỗ của nẹp: 3-5 lỗ, tương ứng chiều dài từ 70-95mm. - Nẹp khóa đầu dưới xương quay bàn tay (6 lỗ đầu): Rộng 8.25mm; dày 2.5mm; Số lỗ thân nẹp: 3-5 lỗ, tương ứng chiều dài từ 59-75.5 mm. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 2.4 mm, dài từ 10mm đến 50mm + Vít khóa Ø 3.5 mm, dài từ 10mm đến 70mm + Vít cứng Ø 3.5 mm, dài từ 10mm đến 70mm; mũ vít hình lục giác. - Chất liệu hợp kim Titan theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe)	Bộ	30
106	Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày (mặt trong, mặt ngoài), chất liệu titanium	- Dày 4.5mm; rộng 15.5mm; số lỗ nẹp: 4-13 lỗ, tương ứng chiều dài từ 125-305mm. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 5.0 mm, dài từ 14mm đến 110mm. + Vít cứng Ø 4.5 mm, dài từ 14mm đến 110mm; mũ vít hình lục giác - Chất liệu hợp kim Titan	Bộ	5
107	Bộ nẹp khóa thân xương đòn chữ S; chất liệu Titanium.	- Chất liệu titanium. - Bộ nẹp khóa thân xương đòn, trái/phải, gồm: 1 nẹp + 8 vít khóa đường kính 3.5mm + 2 vít xương cứng đường kính 3.5mm. - Nẹp có 6/8/10 lỗ, tương ứng chiều dài 69.14/92.63/114.77mm. - Nẹp dày 3mm, rộng 10mm. - Thân nẹp dùng vít khóa đường kính 3.5mm tương thích chiều dài từ 8 -40mm với bước tăng 2mm và 40-80mm với bước tăng 5mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm tương thích chiều dài từ 8-90mm, từ 8-40 bước tăng 2mm, từ 40-90 bước tăng 5mm, tự taro. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Bộ	15
108	Bộ nẹp khóa mắc xích 4-18 lỗ, chất liệu titanium	- Rộng 10mm; dày 3mm; số lỗ từ 4-18 lỗ, tương ứng chiều dài từ 52-220mm. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 3.5 mm, dài từ 10mm đến 70mm + Vít cứng Ø 3.5 mm, dài từ 10mm đến 70mm; mũ vít hình lục giác. - Chất liệu hợp kim Titan	Bộ	10

109	Bộ nẹp khóa mini thẳng, chữ Y/T, chất liệu titanium	- Độ dày nẹp từ 1.0-1.3mm, có dạng hình thẳng, chữ Y, chữ T. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 1.5 mm, dài từ 6mm đến 24mm + Vít khóa Ø 2.0 mm, dài từ 8mm đến 34mm. - Chất liệu hợp kim Titan	Bộ	5
110	Bộ nẹp khóa xương mác 4-16 lỗ, chất liệu titanium	- Rộng 10.5mm; dày 3mm; Số lỗ của nẹp: 4-14 lỗ, tương ứng chiều dài từ 92-212mm. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 3.5 mm, dài từ 10mm đến 70mm + Vít cứng Ø 3.5 mm, dài từ 10mm đến 70mm; mũ vít hình lục giác. + Vít khóa xoắn Ø 3.5 mm, dài từ 14mm đến 70mm. - Chất liệu hợp kim Titan	Bộ	20
111	Bộ nẹp lòng máng 4-10 lỗ, chất liệu titanium	Tiêu chuẩn ISO, CE Chất liệu thép không rỉ. Dày 1mm, rộng 9mm, khoảng cách lỗ 12mm, khoảng cách lỗ trung tâm 16mm, thân nẹp 2/3/4/5/6/7/8/9/10/11/12 lỗ, dùng vít xương cứng 3.5mm	Cái	25
112	Bộ đinh đầu trên xương đùi các cỡ	Đinh rồng, chất liệu Titanium, dùng vít lag screw/ hoặc lưỡi chốt helical blade nén ép cổ xương đùi Kích thước : Đinh ngắn : Ø9,10,11,12,13mm, L 170, 200, 240mm Đinh dài : Ø9,10,11mm, L360, 400, 420mm Vít Lag screw : Φ10.4, L 70 --> 120mm Lưỡi Helical Blade : Φ10.4, L 75 --> 120mm Locking screw : Φ4.9, L 20 --> 80mm End cap : L 5, 10, 15mm Bộ gồm : Đinh + Vít lag screw/ Lưỡi Helical Blade + Vít khóa + Nắp. Tiêu chuẩn ISO, CE	Bộ	10
113	Bộ nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương quay các cỡ	- Chất liệu: Titanium - Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương quay mặt lòng, trên nẹp có ren khóa đa hướng, sử dụng vít khóa 2.4mm/ 2.7mm, vít khóa đa hướng 2.4mm, vít xương cứng 2.4mm - Loại nẹp đầu 6 lỗ - Kích thước : đầu 6 lỗ, thân 2/3/4/5 lỗ, dài 45/54/66/75mm, trái/ phải - Nẹp dày : đầu nẹp dày 2.2mm, thân nẹp dày 2.2mm - Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 22mm, thân nẹp rộng 7.5mm - Loại nẹp đầu 7 lỗ - Kích thước : đầu 7 lỗ, thân 2/3/4/5/7/9/11 lỗ, dài 47/55/68/77/95/113/131mm, trái/ phải - Đóng gói tiệt trùng sẵn. - Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE - Bộ gồm: 1 nẹp + 10 vít	Cái	5

114	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay các cỡ	- Bộ gồm 1 nẹp + 7 vít - Chất liệu : Titanium - Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay, sử dụng vít khóa 2.4/2.7/3.5mm, vít xương cứng 3.5mm, vít xóp 4.0mm, vít chêm 3.5mm - Loại mặt bên lưng lồi cầu tay - distal lateral dorsal humeral locking plate (buttress) - Kích thước : 3/5/7/9/14 lỗ, tương ứng chiều dài 65/91/117/143/208mm, trái/ phải - Nẹp dày : đầu nẹp dày 2.5mm, thân nẹp dày 2.5mm - Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 23.1mm, thân nẹp rộng 12mm - Loại mặt trong lồi cầu tay - distal medial humeral locking plate - Kích thước : dài 3/5/7/9/14 lỗ, tương ứng chiều dài 59/84/110/136/201mm, trái/ phải - Nẹp dày : đầu nẹp dày 3.5mm, thân nẹp dày 3.5mm - Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 11mm, thân nẹp rộng 11mm - Loại giữa hành xương lồi cầu tay - distal humeral middle metaphyseal locking plate - Kích thước : 7/9/11/13/15 lỗ, tương ứng chiều dài 80/106/132/158/184mm - Nẹp dày : đầu nẹp dày 1.4mm, thân nẹp dày 3.2mm - Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 11mm, thân nẹp rộng 11.5mm - Đóng gói tiệt trùng sẵn - Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE	Cái	20
115	Đinh Kirschner không ren các cỡ, thép không gỉ	Tiêu chuẩn ISO, CE Chất liệu thép không gỉ, đường kính 1.0- 5.0mm, dài 150-300mm. Một đầu nhọn	Cái	300
116	Đinh Kirschner không ren 2 đầu nhọn các cỡ, thép không gỉ	Tiêu chuẩn ISO, CE Chất liệu thép không gỉ, đường kính 1.0- 5.0mm, dài 150-300mm. Hai đầu nhọn	Cái	600
117	Đinh Kirschner có ren các cỡ, thép không gỉ	Tiêu chuẩn ISO, CE Chất liệu thép không gỉ, Có ren, đường kính 0.8-2.5mm, dài 150mm	Cái	200
118	Đinh kirschner một đầu nhọn	Tiêu chuẩn ISO, CE Chất liệu thép không gỉ, đường kính 1.0- 5.0mm, dài 150-300mm. Một đầu nhọn	Cái	300
119	Đinh steinmann các cỡ, chất liệu thép không gỉ	Tiêu chuẩn ISO, CE Chất liệu thép không gỉ, Đường kính 3.0/3.5/4.0/4.5/5.0 mm, dài 150 - 400 mm	Cái	140

120	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương đùi mặt ngoài các cỡ	- Chất liệu : Titanium - Nẹp khóa đầu dưới xương đùi mặt ngoài, sử dụng vít khóa 5.0mm, vít khóa 5.0mm tự khoan, tự taro, vít xương cứng 4.5mm, vít chêm 5.0mm - Loại đầu dưới xương đùi - distal lateral femoral locking plate - Kích thước : đầu nẹp 7 lỗ, thân nẹp dài 5/7/9/11/13 lỗ, tương ứng chiều dài 155/195/235/275/315mm, trái/ phải - Loại đầu dưới xương đùi mô ít xâm lấn LISS - distal lateral femoral LISS plate - Kích thước : nẹp dài 5/7/9/11/13 lỗ, tương ứng chiều dài 155/195/235/275/315mm, trái/ phải - Nẹp dày : đầu nẹp dày 2.8mm, thân nẹp dày 5.5mm - Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 35mm, thân nẹp dày 16.5mm - Đóng gói tiệt trùng sẵn - Bộ gồm: 1 nẹp + 11 vít - Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE	Cái	5
121	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương mác các cỡ	- Chất liệu : Titanium - Nẹp khóa LCP đầu dưới xương mác, sử dụng vít khóa 2.4mm/ 2.7mm. 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm, vít xóp 4.0mm, vít chêm 3.5mm - Loại đầu dưới xương mác mặt ngoài - LCP distal lateral fibula locking plate. - Kích thước : nẹp dài 3/4/5/6/7 lỗ, tương ứng chiều dài 73/86/99/112/125mm, trái/ phải. - Nẹp dày: đầu nẹp dày 2.5mm, thân nẹp dày 2.2mm. - Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 14mm, thân nẹp rộng 9.5mm - Đóng gói tiệt trùng sẵn - Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE - Bộ gồm: 1 nẹp + 9 vít	Cái	10
122	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương quay các cỡ	- Chất liệu : Titanium - Nẹp khóa LCP đầu dưới xương quay, sử dụng vít khóa 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm- Loại chữ T thẳng, đầu 4 lỗ - LCP T-Plate, right-angled - Kích thước : đầu nẹp 4 lỗ, thân nẹp 3/4/5/6 lỗ, tương ứng chiều dài 47/58/69/80mm - Nẹp dày : đầu nẹp dày 1.6mm, thân nẹp dày 1.6mm - Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 31mm, thân nẹp rộng 11mm- Loại chữ T xiên, đầu 3 lỗ - LCP T-Plate, oblique-angled - Kích thước : đầu nẹp 3 lỗ, thân nẹp 3/4/5 lỗ, tương ứng chiều dài 52/63/74mm - Nẹp dày : đầu nẹp dày 1.6mm, thân nẹp dày 1.6mm - Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 23mm, thân nẹp rộng 10mm- Loại chữ T thẳng, đầu 3 lỗ - LCP T-plate, right-angled - Kích thước : đầu nẹp 3 lỗ, thân nẹp 3/4/5/6 lỗ, tương ứng chiều dài 46.5/57.5/68.5/79.5mm - Nẹp dày : đầu nẹp dày 1.6mm, thân nẹp dày 1.6mm - Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 24mm, thân nẹp rộng 10mm - Đóng gói tiệt trùng sẵn - Bộ gồm: 1 nẹp + 6 vít - Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE	Cái/ gói	30

123	Bộ nẹp khóa đầu ngoài xương đòn các cỡ	- Chất liệu : Titanium - Nẹp khoá LCP đầu ngoài xương đòn, sử dụng vít khoá 2.4/2.7/3.5mm, vít xương cứng 3.5mm, vít chìm 3.5mm - Kích thước : 3/4/5/6/7/8 lỗ, tương ứng chiều dài 69/81/94/108/123/135mm, trái/ phải - - Nẹp dày : đầu nẹp dày 3.0mm, thân nẹp dày 3.0mm - Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 18mm, thân nẹp rộng 10mm - Đóng gói tiệt trùng sẵn - Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE - Bộ gồm: 1 nẹp + 8 vít các loại	Cái	15
124	Bộ nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ	- Bộ gồm 1 nẹp + 10 vít. - Chất liệu : Titanium - Nẹp khoá đầu trên xương cánh tay, sử dụng vít khoá 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm- Loại đầu trên xương cánh tay thể hệ I - proximal humeral locking plate I - Kích thước : đầu nẹp 9 lỗ, thân nẹp 3/4/5/6/7/8/9/10/11/12/13/14 lỗ, tương ứng chiều dài 90/102/114/126/138/150/162/174/186/198/ 210/222mm - Loại đầu trên xương cánh tay thể hệ II - proximal humeral locking plate II - Kích thước : 3/4/5/6/7/8/9/10/11/12/13 lỗ, tương ứng chiều dài 110/128/146/164/182/200/218/236/254/272/290mm - Nẹp dày : đầu nẹp dày 2.0mm, thân nẹp dày 4.2mm - Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 22.85mm, thân nẹp rộng 12.5mm - Loại đầu trên xương cánh tay ôm mẫu sau - proximal humeral greater tubercle locking plate - Kích thước : dài 2/3/4/6/8/10/12/14/16 lỗ , tương ứng chiều dài 66/78/90/114/138/162/186/210/234mm, trái/ phải - Đóng gói tiệt trùng sẵn - Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE	Cái	20
125	Bộ nẹp khóa mỏm khuỷu các cỡ	- Chất liệu : Titanium - Nẹp khoá mỏm khuỷu, sử dụng vít khoá 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm, vít chìm 3.5mm - Kích thước : nẹp dài 2/4/6/8/10/12 lỗ, tương ứng chiều dài 86/112/138/163/190/216mm, trái/ phải - Nẹp dày : đầu nẹp dày 2.5mm, thân nẹp dày 2.5mm - Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 15mm, thân nẹp rộng 11mm - Đóng gói tiệt trùng sẵn. - Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE - Bộ gồm: 1 nẹp + 9 vít các loại	Cái	10
126	Nẹp khóa bản hẹp 4-16 lỗ, titanium	Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k. Chất liệu titanium Nẹp có 4/5/6/7/8/9/10/11/12/16 lỗ, dày 4.3mm, rộng 13.5mm, khoảng cách lỗ 17.5mm. Lỗ vít kết hợp vít khóa 5.0mm và vít xương cứng 4.5mm, nén ép 2mm theo trục dọc	Cái/ gói	50

127	Nẹp khóa bản nhỏ 5-14 lỗ, titanium	Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k Chất liệu titanium Nẹp có 5/6/7/8/9/10/11/14 lỗ, rộng 11mm, dày 3.3mm. Lỗ vít kết hợp vít khóa 3.5mm và vít xương cứng 3.5 mm, nén ép 2mm theo trục dọc	Cái/ gói	20
128	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương mác 3-13 lỗ, titanium	Tiêu chuẩn ISO, CE Chất liệu titanium alloy Bộ gồm: 1 nẹp khóa + 10 vít khóa 3.5mm + 1 vít xương cứng 3.5mm 1/ Nẹp khóa đầu dưới xương mác 3-13 lỗ: Đầu nẹp 5 lỗ, rộng 30 mm, dày 3mm. Thân nẹp rộng 14mm, dày 3mm, 3/5/7/9/11/13 lỗ tương ứng chiều dài 84/110/136/162/188/214mm, khoảng cách giữa các lỗ 13mm Lỗ vít kết hợp sử dụng vít khóa 3.5mm và vít xương cứng 3.5mm Đóng gói tiệt trùng có thời hạn 3 năm từ nhà sản xuất. 2/ Vít khóa đường kính 3.5mm: đường kính đầu vít 5.0mm, đường kính thân vít 3.5mm, ren 1mm, đường kính lõi 2.5mm, dài 12-42 bước tăng 2mm, dài 45-60mm bước tăng 5mm. 3/ Vít xương cứng 3.5mm: đường kính đầu vít 5.0mm, đường kính thân vít 3.5mm, ren 1.25mm, đường kính lõi 2mm, dài 10-50mm, bước tăng 2mm, tự taro. Có trợ cụ hỗ trợ	Bộ	25
129	Bộ nẹp khóa thân xương đòn các cỡ	- Chất liệu : Titanium - Nẹp khoá LCP thân xương đòn, sử dụng vít khoá 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm, vít chêm 3.5mm - Loại thân xương đòn mặt trên trước - superior anterior clavicle locking plate - Kích thước : 6/7/8 lỗ, tương ứng chiều dài 94/110/120mm, trái/ phải - Nẹp dày : đầu nẹp dày 3.0mm, thân nẹp dày 3.0mm - Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 10mm, thân nẹp rộng 10mm - Đóng gói tiệt trùng sẵn - Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE - Bộ gồm: 1 nẹp + 7 vít các loại	Cái	15
130	Bộ nẹp khóa thân xương đùi chất liệu Titanium.	- Chất liệu titanium. - Bộ nẹp khóa bản rộng gồm: 1 nẹp + 9 vít khóa đường kính 5.0mm + 2 vít xương cứng đường kính 4.5mm. - Nẹp từ 5/6/7/8/9/10/12/14/16/18 lỗ tương ứng chiều dài 98/116/134/152/170/188/224/260/296/332mm - Nẹp dày 6mm, rộng 17.5mm. - Thân nẹp lỗ kết hợp vít khóa 5.0mm tương thích với chiều dài từ 10 -50mm với bước tăng 2mm và 50-90mm với bước tăng 5mm, tự taro và vít xương cứng 4.5mm tương thích chiều dài từ 18 - 100mm, từ 18-70mm bước tăng 2mm, từ 70-100mm bước tăng 5mm, tự taro - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Bộ	15

131	Nẹp khóa chữ T	- Chất liệu titanium. - Bộ nẹp khóa bàn ngón thẳng, chữ Y/T gồm: 1 nẹp + 6 vít khóa đường kính 1.5/2.0mm chiều dài 6-30mm + 1 vít xương cứng đường kính 1.5/2.0mm chiều dài từ 6 - 24mm. - Nẹp thẳng đường kính 1.5 có 4/5/6/8/10 lỗ tương ứng chiều dài 21/26/31/41/51mm. Nẹp thẳng đường kính 2.0 có 2/3/4/5/6/7/8/9/10 lỗ tương ứng chiều dài 17/24/31/38/45/52/59/66/73mm. - Nẹp chữ Y đường kính 1.5 có 3 lỗ đầu 8 lỗ thân dài 46.1mm. Nẹp chữ đường kính Y 2.0 có 3 lỗ đầu, thân có 4/5/6/7/8/9 lỗ tương ứng chiều dài 34.7/41.5/48.2/55/61.8/68.5mm. - Nẹp chữ T đường kính 1.5 có 3/4 lỗ đầu 8 lỗ thân dài 45.8mm, nẹp chữ T đường kính 2.0 có 2 lỗ đầu, 3/4/5 lỗ thân tương ứng chiều dài 25.3/32.1/38.8mm, 3 lỗ đầu 3/4/5/9 lỗ thân tương ứng chiều dài 25.9/32.7/39.5/66.5mm. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Bộ	10
132	Bộ nẹp khóa nén ép đầu trên xương chày mặt ngoài, chất liệu Titanium.	- Chất liệu titanium. - Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài nén ép, trái/phải gồm: 1 nẹp + 10 vít khóa đường kính 5.0mm + 2 vít xương cứng đường kính 4.5mm. - Nẹp mặt ngoài có 4 lỗ đầu, thân có 3/5/7/9/11/13 lỗ, tương ứng chiều dài 88/124/160/196/232/268mm. - Nẹp dày 3.7mm, rộng 14mm. - Thân nẹp lỗ kết hợp vít khóa 5.0mm tương thích với chiều dài từ 10 -50mm với bước tăng 2mm và 50-90mm với bước tăng 5mm, tự taro và vít xương cứng 4.5mm tương thích chiều dài từ 18 - 100mm, từ 18-70mm bước tăng 2mm, từ 70-100mm bước tăng 5mm, tự taro - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Bộ	15
133	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, (trái/phải) 3-13 lỗ, chất liệu titanium	- Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k - Chất liệu titanium - Đầu nẹp 9 lỗ, thân 3/4/5/6/7/8/9/10/11/12 lỗ dài 90/102/114/126/138/150/162/174/186/198mm, dày 3.2mm, rộng 12mm, khoảng cách lỗ 12mm, lỗ kết hợp sử dụng vít khóa 3.5mm và vít xương cứng 3.5mm - Có trợ cụ hỗ trợ	Bộ	20

134	Nẹp khóa đầu trên xương chày (mặt ngoài, mặt trong) nén ép, trái/phải, 3-13 lỗ, chất liệu titanium.	Tiêu chuẩn ISO, CE Chất liệu titanium alloy Bộ gồm: 1 nẹp khóa + 10 vít khóa 5.0mm + 1 vít xương cứng 4.5mm 1/ Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài 3-13 lỗ: Loại trái/phải 3 lỗ đầu, thân rộng 15.5mm, dày 4.5mm, các lỗ 3/5/7/9/11/13 lỗ tương ứng chiều dài 105/145/185/225/265/305mm, khoảng cách giữa các lỗ 20mm, lỗ kết hợp dùng vít khóa 5.0mm kết hợp vít xương cứng 4.5mm tự taro Đóng gói tiệt trùng có thời hạn 3 năm từ nhà sản xuất 2/ Vít khóa 5.0mm: đường kính đầu vít 7.0mm, đường kính thân vít 5.0mm, ren 1.2mm, đường kính lõi 3.5mm dài 14-50mm bước tăng 2mm, dài 55-110mm bước tăng 5mm. 3/ Vít xương cứng 4.5mm: đường kính đầu vít 5.0mm, đường kính thân vít 4.5mm, ren 1.25mm, đường kính lõi 2mm, dài 20-60mm, tự taro, bước tăng 2mm	Bộ	5
135	Nẹp khóa mắc xích, 4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 10/ 12/ 14 lỗ, dài 46/ 58/ 70/ 82/ 94/ 118/ 142/ 166mm, chất liệu titanium	Tiêu chuẩn ISO, CE Chất liệu titanium alloy Bộ gồm: 1 nẹp khóa + 10 vít khóa 3.5mm+ 1 vít xương cứng 3.5mm 1/ Nẹp khóa mắc xích 6-18 lỗ: Thân nẹp rộng 10mm, dày 3mm, các lỗ 6/7/8/9/10/12 lỗ tương ứng chiều dài 76/88/100/112/124/148mm, khoảng cách lỗ 12mm. Dùng vít khóa 3.5mm Đóng gói tiệt trùng có thời hạn 3 năm từ nhà sản xuất. 2/ Vít khóa đường kính 3.5mm: đường kính đầu vít 5.0mm, đường kính thân vít 3.5mm, ren 1mm, đường kính lõi 2.5mm, dài 12-42 bước tăng 2mm, dài 45-60mm bước tăng 5mm.	Bộ	10
136	Bộ nẹp lòng máng 1/3; chất liệu Titanium.	- Chất liệu titanium. - Bộ nẹp lòng máng gồm: 1 nẹp + 7 vít xương cứng đường kính 3.5mm. - Nẹp dày 2mm, rộng 10mm, 4/5/6/7/8/9/10 lỗ tương ứng chiều dài 52/64/76/88/100/112/124mm - Dùng vít xương cứng 3.5mm, chất liệu titanium - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Bộ	25
137	Nẹp RHM thẳng 6 lỗ	- Nẹp hàm thẳng 6 lỗ cho vít 2.3mm; độ dày nẹp 1.5mm; chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2 (tiêu chuẩn ASTM-F67); - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE; FDA	Cái	30
138	Nẹp RHM thẳng 8 lỗ	- Nẹp hàm thẳng 8 lỗ cho vít 2.3mm; độ dày nẹp 1.5mm; chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2 (tiêu chuẩn ASTM-F67); - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE; FDA	Cái	30

139	Bộ nẹp khoá xương gót các cỡ	Chất liệu : Titanium Nẹp xương gót, sử dụng vít khoá 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm- Loại nẹp lưới, 8-12 lỗ, dài 53-68mm, trái/ phải, nẹp dày 2mm, rộng 54mm- Loại nẹp lưới, 8/10/12 lỗ, dài 48-65mm, trái/ phải, nẹp dày 2mm, rộng 54mm- Loại combo calcaneal plate, 8-10 lỗ, dài 58-73mm, trái/ phải- Loại mặt bên lateral wall calcaneal plate, 12-14 lỗ, dài 60-69mm, trái/ phải- Loại mặt trước anterior process calcaneal, 3-4 lỗ, dài 32-40mm, trái/ phải- Loại mặt sau posterior tuberosity calcaneal, 3-4 lỗ, dài 35-43mm, trái/ phải. Đóng gói tiệt trùng sẵn. Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE, FDA Bộ gồm: 1 nẹp + 8 vít các loại	cái	10
140	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha	Là loại xi măng có độ nhớt ca. Bao gồm xi măng dạng bột và dung dịch pha. Xi măng tiệt trùng dạng bột có trọng lượng 20g gồm: + Methyl methacrylate-Styrene-copolymer 68% + Barium sulphate 30% + Benzoyl peroxide 2% - Dung dịch pha có trọng lượng 9g gồm: + Methyl methacrylate (mono-mer): 99.1% + N, N-dimethyl-p-toluidine: 0.9% + Hydroquinone 75ppm - Thời gian làm việc trung bình khoảng 8 phút ở nhiệt độ 22 độ C - Độ kết dính cao, có cản quang - Chỉ định dùng cho bệnh lý về gãy xương thân sống trong các trường hợp loãng xương, ung thư hoặc thương tổn lạnh tính dùng trong kỹ thuật bơm xi măng có bóng hoặc không bóng, ung thư bao gồm đa u tủy xương hoặc ung thư do di căn từ ngực hoặc phổi - Bảo quản nhiệt độ dưới 25 độ C	Cái	11
141	Bộ bơm xi măng đốt sống dùng bóng đơn (kèm xi măng dạng bột và dung dịch pha)	Là loại xi măng có độ nhớt cao. Bao gồm xi măng dạng bột và dung dịch pha. Xi măng tiệt trùng dạng bột có trọng lượng 20g gồm: + Methyl methacrylate-Styrene-copolymer 68% + Barium sulphate 30% + Benzoyl peroxide 2% - Dung dịch pha có trọng lượng 9g gồm: + Methyl methacrylate (mono-mer): 99.1% + N, N-dimethyl-p-toluidine: 0.9% + Hydroquinone 75ppm - Thời gian làm việc trung bình khoảng 8 phút ở nhiệt độ 22 độ C. Độ kết dính cao, có cản quang. Chỉ định dùng cho bệnh lý về gãy xương thân sống trong các trường hợp loãng xương, ung thư hoặc thương tổn lạnh tính dùng trong kỹ thuật bơm xi măng có bóng hoặc không bóng, ung thư bao gồm đa u tủy xương hoặc ung thư do di căn từ ngực hoặc phổi. Bảo quản nhiệt độ dưới 25 độ C	Bộ	20

142	Vít Hàm 2.3 các cỡ	- Vít khóa tự taro đk 2.0mm - Mũ vít hình sao - Chiều dài: 5mm - 19mm - Đạt chất lượng ISO13485; CE 2292 - chất liệu Titan	Cái	155
143	Xi măng	Cấu tạo: - Xi măng thành phần bao gồm bột polyme và chất lỏng đơn phân có chứa chất kháng sinh Gentamicin phổ thông. - Độ nhớt thấp - Dùng cho khớp háng, khớp gối và các loại khớp khác - Thành phần: Polymethyl Methacrylat, Zirconium dioxide, Benzoyl peroxide, ...độ nhớt cao, thời gian làm việc > 6 phút, sử dụng tại nhiệt độ phòng 20-30 độ C - Sự toả nhiệt: có tính lỏng thấp nên nhiệt độ tối đa trong một phản ứng hóa học xảy ra không đáng kể. Sản phẩm đóng gói tiệt trùng sẵn: một ống chứa chất lỏng tiệt trùng đặt trong một vỉ và một túi đôi tiệt trùng chứa bột	Cái	5
144	Vít xỏ đường kính 4.0mm, chất liệu titanium các cỡ	Chất liệu : Titanium, lòng vít rỗng, vít thuận nhọn, có chức năng nén ép xương, đầu vít chìm - Vít 4.0mm : dài 16-34mm (tăng 2mm) - Vít 4.5mm : dài 20-30mm (tăng 2mm), dài 30-50mm (tăng 5mm) - Vít 5.0mm : dài 25-60mm (tăng 5mm) - Vít 6.5mm : dài 40-120mm (tăng 5mm) Đóng gói tiệt trùng sẵn	Cái	100
145	Vít xỏ đường kính 6.5mm, chất liệu titanium các cỡ	Chất liệu : Titanium, vít xương xỏ - Vít 6.5mm đầy ren, tua vít lục giác 3.5mm, đường kính lõi vít 3.0mm, đầu vít 8.0mm, cánh ren 1.75mm, bước ren 2.75mm, chiều cao đầu vít 4.8mm, thân vít dài 20-120mm (tăng 5mm) - Vít 6.5mm 1 phần ren, thân vít dài 50-120mm (tăng 5mm) Đóng gói tiệt trùng sẵn Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE (HBQ03) (HBQ03)	Cái	20
146	Vít rỗng nén ép chìm đầu các cỡ	Chất liệu : Titanium, lòng vít rỗng, vít thuận nhọn, có chức năng nén ép xương, đầu vít chìm - Vít 2.5mm : dài 8-14mm (tăng 1mm), dài 14-30mm (tăng 2mm) - Vít 3.0mm : dài 10-14mm (tăng 1mm), dài 14-30mm (tăng 2mm) - Vít 3.5mm : dài 16-30mm (tăng 2mm) - Vít 4.0mm : dài 16-34mm (tăng 2mm) - Vít 4.5mm : dài 20-30mm (tăng 2mm), dài 30-50mm (tăng 5mm) - Vít 5.0mm : dài 25-60mm (tăng 5mm) - Vít 6.5mm : dài 40-120mm (tăng 5mm) Đóng gói tiệt trùng sẵn Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE (GJYD X)	cái	30

147	Vít xóp rỗng, đường kính 3.5/4.5/7.3mm, chất liệu titanium	- Chất liệu titanium - Đường kính 3.5mm ứng với chiều dài từ 15 - 55mm với bước tăng 5mm, thân 1 phần ren. - Đường kính 4.5mm ứng với chiều dài từ 25 - 70mm với bước tăng 5mm, thân 1 phần ren. - Đường kính 7.3mm ứng với chiều dài từ 50 - 110mm với bước tăng 5mm, thân 1 phần ren.	Cái	100
148	Xương nhân tạo dạng gel bơm	Chất liệu 38wt%HA ($\text{Ca}_{10}(\text{PO}_4)_6(\text{OH})_2$) + 62wt% H ₂ O tinh khiết hạt HA Nano 30-50 nm, dễ dàng định hình, không cần trộn, thuận tiện để sử dụng. Độ phủ ~100m ² /g. Diện tích bề mặt nano lớn hơn 50-100 lần các loại xương tổng hợp truyền thống. Bộ gồm : - 1 xilanh xương paste dạng bơm, dung tích 5cc - 1 ống bơm ngắn, 1 ống bơm dài - 1 cây đẩy tiệt trùng bằng Gamma 25-35 kGy đạt chuẩn BS EN ISO 11137, CE	Cái	12
149	Nẹp bản hẹp nén ép 2-14 lỗ, chất liệu thép không rỉ	Tiêu chuẩn ISO, CE Chất liệu thép không rỉ. Dày 4mm, rộng 12mm, khoảng cách lỗ 16mm, khoảng cách lỗ trung tâm 25mm, thân nẹp 2/3/4/5/6/7/8/9/10/11/12/13/14 lỗ	Cái	200
150	Nẹp bản rộng nén ép 5-18 lỗ, chất liệu thép không rỉ	Tiêu chuẩn ISO, CE Chất liệu thép không rỉ. Dày 5mm, rộng 16mm, khoảng cách lỗ 16mm, khoảng cách lỗ trung tâm 25mm, thân nẹp 5/6/7/8/9/10/11/12/13/14/15/16/17/18 lỗ.	Cái	200
151	Nẹp chữ L 3-11 lỗ, chất liệu thép không rỉ	Tiêu chuẩn ISO, CE Chất liệu thép không rỉ. Dày 2mm, rộng 16mm, khoảng cách lỗ 16mm, thân nẹp 3/4/5/6/7/8/9/10/11 lỗ, dùng vít xương cứng 4.5mm.	Cái	200
152	Nẹp chữ T 4-12 lỗ, chất liệu thép không rỉ	Tiêu chuẩn ISO, CE Chất liệu thép không rỉ. Dày 2mm, rộng 16mm, khoảng cách lỗ 16mm, thân nẹp 4-12 lỗ	Cái	200
153	Nẹp đầu dưới xương quay chữ T 3-5 lỗ, chất liệu thép không gỉ	Tiêu chuẩn ISO, CE Chất liệu thép không rỉ Dày 1.5mm, rộng 10mm, khoảng cách lỗ 14mm, thân nẹp 3-5 lỗ	Cái	200
154	Nẹp đòn S 6-8 lỗ, chất liệu thép không rỉ	Tiêu chuẩn ISO, CE Chất liệu thép không rỉ. Dày 3mm, rộng 10mm, thân nẹp 6/8 lỗ	Cái	200
155	Nẹp tái tạo(mắt xích) 5-22 lỗ, chất liệu thép không rỉ	Tiêu chuẩn ISO, CE Chất liệu thép không rỉ. Dày 2.8mm, rộng 10mm, thân nẹp 5-22 lỗ, dùng vít xương cứng (vít vỏ) 3.5mm	Cái	200
156	Nẹp xương trụ và xương quay 2-14 lỗ, chất liệu thép không rỉ	Tiêu chuẩn ISO, CE Chất liệu thép không rỉ Dày 3.5mm, rộng 10mm, thân nẹp 2-14 lỗ.	Cái	200
157	Vít xương cứng đường kính 3.5 mm các cỡ, chất liệu thép không rỉ	Tiêu chuẩn ISO, CE Chất liệu thép không rỉ, đường kính 3.5mm dài 10-110mm	Cái	500

158	Vít xương cứng đường kính 4.5 mm các cỡ, chất liệu thép không rỉ	Tiêu chuẩn ISO, CE Chất liệu thép không rỉ, đường kính 4.5mm dài 12-110mm	Cái	500
159	Vít xương cứng 3.5mm/4.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Chất liệu : Titanium, vít xương cứng, tự taro - Vít 3.5mm, tua vít lục giác, đường kính lõi vít 2.4mm, đầu vít 6.0mm, cánh ren 0.55mm, bước ren 1.25mm, chiều cao đầu vít 2.7mm, thân vít dài 12-50mm (tăng 2mm) Đóng gói tiệt trùng sẵn Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE (HAQ03)	Cái	350